CTCP MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NIÊN VỤ 2022 - 2023

Km 34, quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội
Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
sls.miaduongsonla@gmail.com
https://miaduongsonla.vn/
0223 843 274

Signature Not Verified
Ký bởi: NGUYỄN THỊ KHƯƠNG
Ký ngày: 16/9/2023 16:45:21

MỤC LỤC

04 Phần mở đầu

14 Phần I: Tổng quan về **Mía đường Sơn La**

30 Phần II: Quản trị công ty

52 Phần III: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

64 Phần IV: Báo cáo của Ban tổng giám đốc

72 Phần V: Báo cáo của Hội đồng quản trị

82 Phần VI: Báo cáo phát triển bền vững

88 Phần VII: Báo cáo tài chính

PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp từ chủ tịch Hội đồng quản trị 06

Các thành tích nổi bật 08

Giá trị cốt lõi 09

Tiêu chí hoạt động 09

Ấn tượng niên vụ 2022 - 2023 10

Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị

"Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La tin tưởng sẽ vượt qua những khó khăn, thách thức của bối cảnh hiện tại, tận dụng hiệu quả các lợi thế sẵn có để hoàn thành xuất sắc kế hoạch niên vụ 2023 - 2024 và đạt được những mục tiêu phát triển bền vững trong các năm tiếp theo."

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên

Niên vụ 2022 - 2023 có thể nói là một niên vụ thành công lớn đối với Tập thể Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam còn nhiều biến động. Xung đột Nga - Ukraine khiến cho chuỗi cung ứng tiếp tục bị đứt gãy, lạm phát chưa thực sự hạ nhiệt và các định chế tài chính toàn cầu liên tục điều chỉnh chính sách tiền tệ. Tuy đến cuối 2022 thương mại toàn cầu đã phục hồi trở lại nhưng nửa đầu năm 2023, kinh tế thế giới lại chịu nhiều áp lực và trở nên ảm đạm hơn nửa cuối 2022 khi những vấn đề như xung đột, lạm phát vẫn tiếp diễn. Kinh tế Việt Nam đã phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch, với mức tăng trưởng cao 8,02% trong năm 2022, mức lạm phát được kiểm soát và trong 6 tháng đầu năm 2023 có phần tích cực hơn so với thế giới với động lực phát triển vẫn là các ngành dịch vụ và bệ đỡ chính là sản xuất nông nghiệp. Kinh tế nội địa được dự báo sẽ tăng trưởng chậm lại so với cuối năm 2022 do những ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài thế giới và đây sẽ là điểm nhấn quan trọng cho hoạt động sản xuất cho niên vụ tới.

Thị trường mía đường toàn cầu đã trải qua một niên vụ vô cùng biến động khi giá đường đạt mức cao kỷ lục trong vòng 10 năm trở lại đây do áp lực từ nguồn cung sụt giảm của các quốc gia sản xuất đường lớn như Ấn Độ, Brazil, Thái Lan. Tình hình thời tiết cực đoan El Nino được dự báo sẽ còn kéo dài khiến cho sản lượng đường ảnh hưởng cũng như việc các quốc gia xuất khẩu đường tiếp tục thắt chặt chính sách xuất khẩu khiến cho thị trường đường sẽ có những biến động khó lường cho niên vụ 2023 - 2024.

Bối cảnh giá đường tăng cao bước đầu tạo được những thuận lợi nhất định đối với các doanh nghiệp sản xuất đường chủ động được nguồn nguyên liệu như Mía đường Sơn La. Tuy nhiên áp lực cạnh tranh trong niên vụ 2022 - 2023 vừa qua với đường nhập khẩu trong khu vực ASEAN cũng như đường nhập lậu là rất lớn khi vừa chịu sức ép về giá, vừa chịu thêm căng thẳng từ đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trong bối cảnh trên, Mía đường Sơn La đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ năm 2022 đặt ra với những kết quả tích cực. Niên vụ vừa qua, Công ty đã đạt mức doanh thu **1.715,94** tỷ đồng, đạt **154,5%** so với kế hoạch cũng như mức lợi nhuận sau thuế **523,115** tỷ đồng. Đây thực sự là một thành quả đáng ghi nhận của tập thể Mía đường Sơn La.

Những thành quả trên đạt được là nhờ sự nỗ lực và đồng lòng của Ban Lãnh Đạo, Cán bộ công nhân viên và người nông dân cũng như sự cảm thông chia sẻ của khách hàng đối với Công ty trong bối cảnh có những thuận lợi nhất định từ thị trường. Kết quả tích cực này cũng cho thấy được các quyết sách và chủ trương của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị là đúng hướng và kịp thời.

Với những cơ hội và cả thách thức trong niên vụ 2023 - 2024 sắp tới và đặc biệt là nhiệm kỳ HĐQT mới 2023 - 2028, Ban lãnh đạo Công ty hiểu rằng cần phải tiếp tục duy trì và phát huy những lợi thế vốn có của Mía đường Sơn La. Các biện pháp phòng vệ cho ngành đường đã phần nào phát huy tác dụng nhưng nội lực doanh nghiệp vẫn là điều kiện tiên quyết. Công ty cần chủ động nắm bắt cơ hội và phải phát triển vùng nguyên liệu ổn định và bền vững.

Với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể Ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên, cùng với sự đồng hành của các cổ đông, khách hàng và nhà đầu tư, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La tin tưởng sẽ vượt qua những khó khăn, thách thức của bối cảnh hiện tại, tận dụng hiệu quả các lợi thế sẵn có để hoàn thành xuất sắc kế hoạch niên vụ 2023 - 2024 và đạt được những mục tiêu phát triển bền vững cho nhiệm kỳ mới 2023 - 2028 sắp tới.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm và đồng hành của Quý vị!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Việt Anh

Các thành tích nổi bật

- CHỦ TỊCH NƯỚC TRAO TẶNG CÔNG TY HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA.
- TỔNG GIÁM ĐỐC BHXH VIỆT NAM TẶNG BẰNG KHEN CHO CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH BHXH, BHYT.
- CÔNG ĐOÀN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH SƠN LA TẶNG CỜ DẪN ĐẦU PHONG TRÀO "XANH-SẠCH-ĐẸP, BẢO ĐẢM ATVSLĐ".
- THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẶNG CỜ THI ĐUA HOÀN THÀNH XUẤT SẮC, TOÀN DIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC, DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC CỦA TỈNH SƠN LA
- ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA TẶNG CỜ THI ĐUA XUẤT SẮC CHO CÔNG TY ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC VÀ NHIỀU BẰNG KHEN.
- BAN CHẤP HÀNH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM TẶNG BẰNG KHEN CHO CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA "ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA LAO ĐỘNG GIỎI VÀ XÂY DỰNG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VỮNG MẠNH.

Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Trở thành Công ty sản xuất Công – Nông nghiệp với công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La có bề dày gần 30 năm thành lập và phát triển, trải qua nhiều lần thay đổi, cải cách cả về máy móc, con người lẫn cơ cấu tổ chức. Trong mọi giai đoạn phát triển, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La luôn nỗ lực đưa công ty trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành mía đường theo một cách bền vững. Công ty luôn chủ động nắm bắt những công nghệ sản xuất mía đường tiên tiến nhất, đi cùng với đó là công tác đảm bảo vệ sinh môi trường nhằm hướng tới sự phát triển bền vững không chỉ cho bản thân công ty mà còn cho xã hội và cộng đồng.

Sở hữu đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, vùng nguyên liệu ổn định bền vững, mang đến cho đối tác và khách hàng các sản phẩm tiện ích với chi phí hợp lý, chất lượng cao. Nhân tố con người luôn được Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đề cao. Đội ngũ nhân viên công ty luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm và sự cầu thị cao trong công việc nhằm mang lại hiệu quả làm việc cao và những thông lệ tốt đẹp cho công ty. Điều này được thể hiện rõ qua kết quả sản xuất kinh doanh và chất lượng sản phẩm của Công ty Cổ phần Mía đường

Tiêu chí hoạt động

- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty và người trồng mía;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho công ty và xã hội;
- Tăng trưởng bền vững;
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và thu nhập của người lao động;
- Đóng góp thiết thực cho ngân sách địa phương và quan tâm đến công tác an sinh xã hội của cộng đồng.

SLS Ấn tượng niên vụ 2022 - 2023

Doanh thu **1.715,94** tỷ đồng (▲**97,47%** yoy, đạt **154,5%** kế hoạch)

Lợi nhuận sau thuế **523,115** tỷ đồng (▲**178.79%** yoy, đạt **694,7%** kế hoạch)

Biên lợi nhuận gộp đạt **32,49%**

Vốn chủ sở hữu đạt **1180,65** tỷ đồng (▲**55,33%** yoy)

660.021 tấn mía nguyên liệu thu hoạch (▲**12,10%** yoy)

Công suất ép cả vụ **4.730** TMN

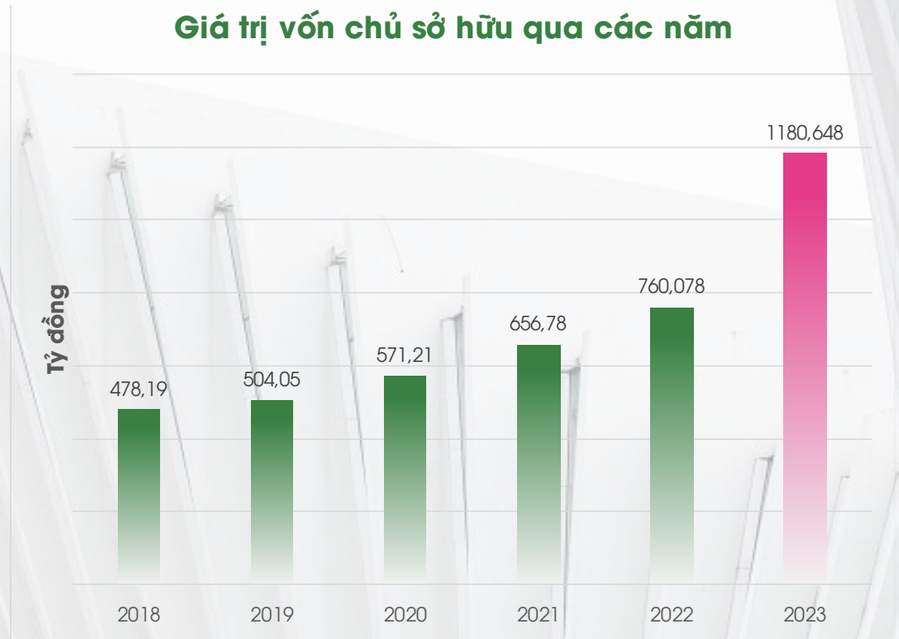

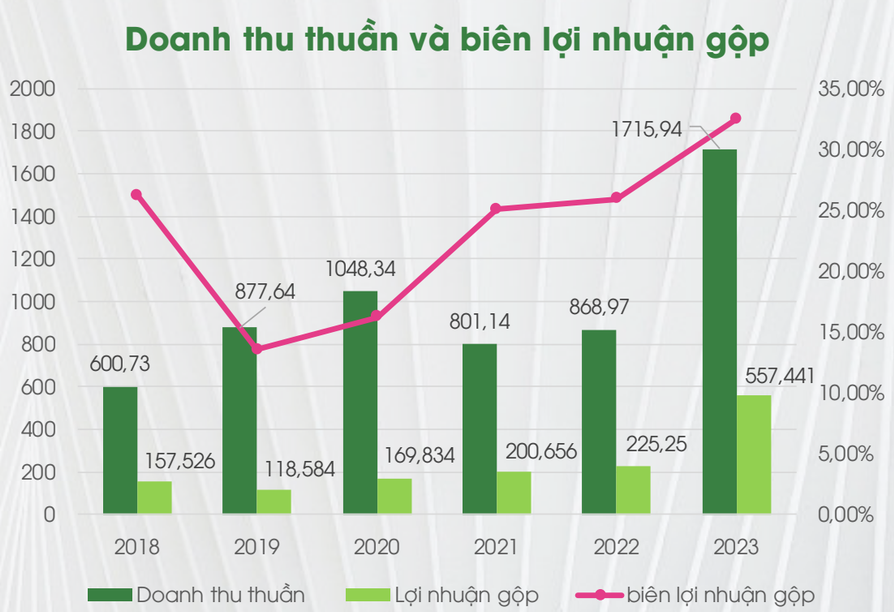

Một số chỉ tiêu tài chính tiêu biểu của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2021 - 2022	Năm 2022 - 2023	Tăng trưởng %
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu thuần	868.974.945.103	1.715.939.079.381	97,47%
Giá vốn hàng bán	643.715.946.239	1.158.499.089.889	79,97%
Lợi nhuận gộp	225.258.998.864	557.439.989.492	147,47%
Lợi nhuận thuần	186.508.692.693	522.188.345.181	179,98%
Lợi nhuận trước thuế	187.639.199.121	523.321.682.460	178,90%
Lợi nhuận sau thuế	187.639.199.121	523.115.195.136	178,79%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.907	53.423	182,56%
Bảng cân đối kế toán			
Tài sản ngắn hạn	779.346.292.945	781.233.332.217	0,24%
Tài sản dài hạn	600.223.798.784	560.720.310.008	-6,58%
Tổng cộng tài sản	1.379.570.091.729	1.341.953.642.225	-2,73%
Nợ ngắn hạn	569.392.409.198	156.805.408.559	-72,46%
Nợ dài hạn	50.100.000.000	4.500.000.000	-91,02%
Nợ phải trả	619.492.409.198	161.305.408.559	-73,96%
Vốn chủ sở hữu	760.077.682.531	1.180.648.233.666	55,33%
Vốn điều lệ	97.919.450.000	97.917.450.000	0,00%
Tổng cộng nguồn vốn	1.379.570.091.729	1.341.953.642.225	-2,73%
Hệ số tài chính			
Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	81,50%	13,66%	-83,24%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	0,85	2,91	241,83%
Vòng quay hàng tồn kho	1,37	2,92	113,12%
ROE(%)	26,49%	53,91%	103,51%
ROA(%)	14,58%	38,44%	163,67%
EBITDA/Doanh thu	31,16%	34,79%	11,65%

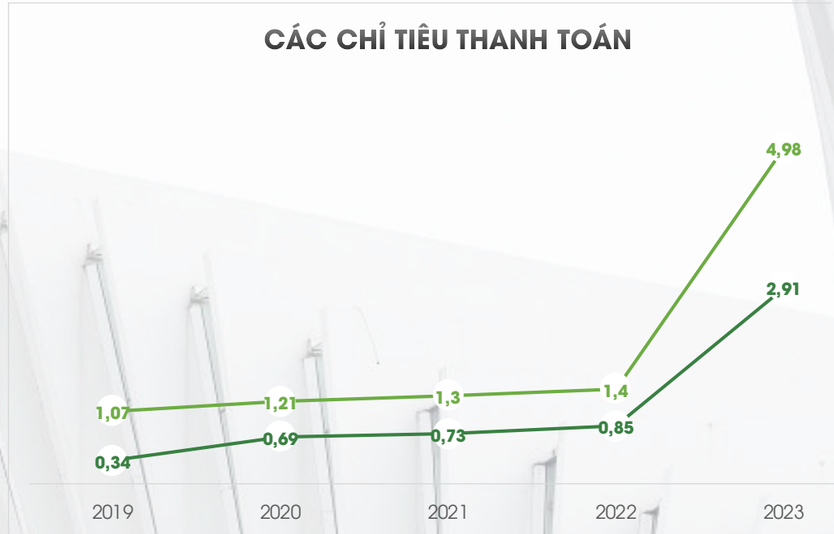

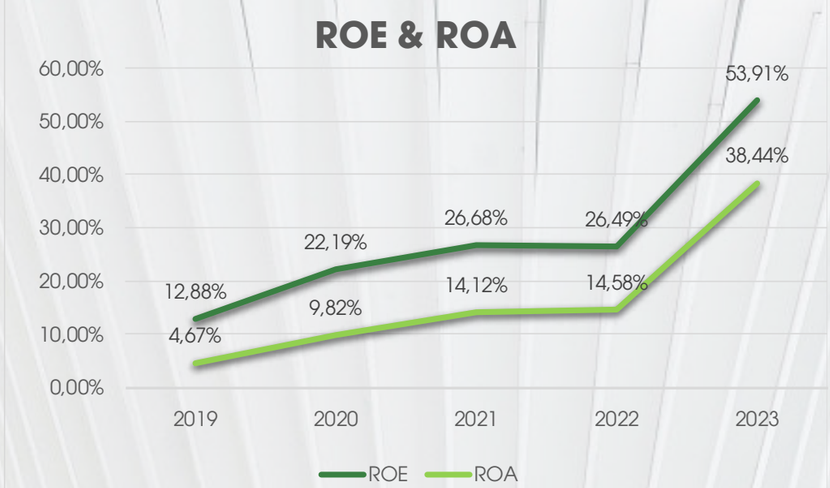

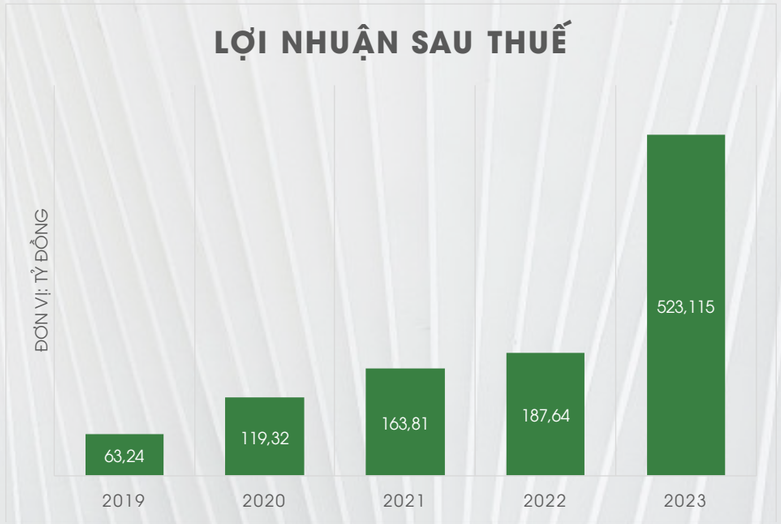

PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Tổng quan về CTCP Mía đường Sơn La 16

Lịch sử hình thành và phát triển 18

Ngành nghề và địa bàn 20

Phân tích SWOT 22

Các rủi ro trọng yếu 24

Định hướng phát triển 28

Tổng quan về Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

Tên công ty	**Công ty cổ phần Mía đường Sơn La**
Tên viết tắt	SLS
Tên tiếng Anh	Son La Sugar JSC
Trụ sở	Km 34, Quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót ,Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
Điện thoại	0223 843 274
Fax	0223 843 406
Email	sls.miaduongsonla@gmail.com
Website	https://miaduongsonla.vn/
Ngành nghề kinh doanh	**Đường:** Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường. **Phân bón và cây giống:** Sản xuất, cung ứng phân bón và giống cây con. **Kinh doanh nhiên liệu:** Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. **Kinh doanh khác:** Vận tải hàng hóa đường bộ, kho bãi, lưu giữ hàng hóa, xây dựng công trình làm kênh, mương nội đồng, giao thương vùng nguyên liệu mía.
Mã cổ phiếu	**SLS**
Vốn điều lệ	97.919.450.000 đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành	9.791.945 cổ phiếu
Người đại diện theo pháp luật	Đặng Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

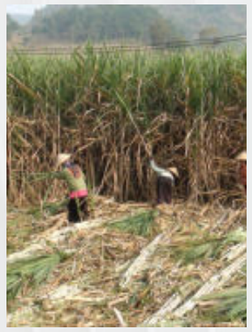

Lịch sử hình thành và phát triển

09/1995

Khởi công xây dựng Nhà máy đường Sơn La tiền thân là Nhà máy Đường Sơn La trực thuộc Nông trường quốc doanh Tô Hiệu Sơn La quản lý.

04/1996

Thành lập Công ty Mía đường Sơn La trên cơ sở UBND Tỉnh Sơn La chuyển giao nhiệm vụ xây dựng Nhà máy đường của Nông trường Quốc doanh Tô Hiệu. Theo đó, Nhà máy đường Sơn La được đổi tên thành Công ty Mía đường Sơn La.

08/1997

UBND tỉnh Sơn La quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty Mía đường Sơn La trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

1997-2006

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty kém hiệu quả có chiều hướng đi xuống và có nhiều khả năng phải phá sản

10/2006

UBND tỉnh Sơn La đã chủ trì cuộc họp cùng với các Ban, ngành chức năng làm việc với DATC để tìm ra các biện pháp giải quyết, hỗ trợ cho Công ty Mía đường Sơn La đủ điều kiện để chuyển đổi thành công ty cổ phần.

04/2007

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công văn số 419/TTG_NN về việc sắp xếp đổi mới Công ty Mía đường Sơn La.

11/2007

UBND tỉnh Sơn La phê duyệt phương án cơ cấu tài chính và chuyển đổi sở hữu Công ty Mía đường Sơn La từ công ty Nhà nước sang công ty cổ phần.

01/2008

Chủ tịch UBND – Trưởng ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Sơn La đã có văn bản số 220 / UBND - KTTH về việc ủy quyền cho Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp chủ trì triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.

02/2008

Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La thành công. Công ty Mía đường Sơn La chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.

09/2012

SGDCK Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Cổ phiếu Công ty cổ phần mía đường Sơn La niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: SLS

2015

Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng thoái hết vốn tại Công ty cổ phần mía đường Sơn La. Công ty cổ phần mía đường Sơn La không còn vốn nhà nước

2018

Nâng công suất nhà máy đường RS lên 5000 tấn mía/ngày. Thay đổi và nâng cấp hầu hết thiết bị nhà máy, áp dụng nhiều hệ thống tự động hóa, công nghệ tiên tiến theo tiêu chuẩn G7, nhiều thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Ấn Độ, Nhật Bản

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

1. Đường: Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường.
2. Phân bón và cây giống: Sản xuất, cung ứng phân bón và giống cây con.
3. Kinh doanh nghiên liệu: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
4. Vận tải hàng hóa đường bộ, kho bãi, lưu giữ hàng hóa
5. Xây dựng công trình làm kênh, mương nội đồng, giao thương vùng nguyên liệu mía.

Địa bàn kinh doanh

Các sản phẩm chính của công ty hiện nay chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường các tỉnh thành phố:

1. Sơn La
2. Hà Nội
3. Hải Phòng
4. Hải Dương
5. Vĩnh Phúc

Ngoài ra công ty cũng có mạng lưới phân phối sản phẩm ở hầu khắp các tỉnh thành phía Bắc.

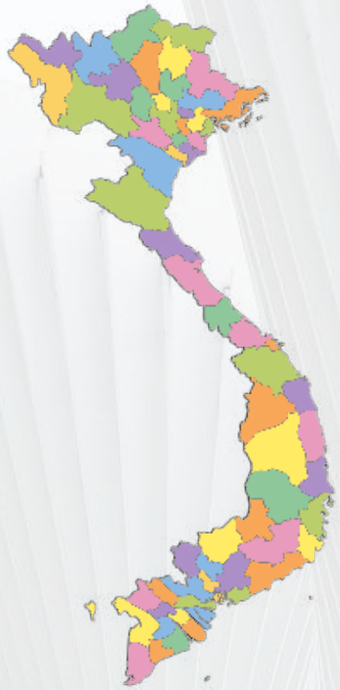

Các sản phẩm chủ đạo

Đường kính RS

Đây là sản phẩm chủ lực của Công ty và được chế biến với dây chuyền công nghệ hiện đại. Đường được làm từ nguyên liệu là cây mía tươi và một số phụ gia được phép sử dụng trong lĩnh vực chế biến thực phẩm. Hiện nay sản phẩm này đang được công ty đóng gói theo ba loại: túi 0,5 kg, túi 1 kg và bao 50 kg.

Phân vi sinh

Phân phức hợp hữu cơ vi sinh được chế biến từ các chế phẩm vi sinh với công nghệ tiên tiến, hiện đại. Sản phẩm có công dụng tăng cường hữu cơ cho đất, cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng, tăng khả năng kháng sâu bệnh, chịu hạn, kích thích phát triển cho cây mía, tăng năng suất từ 10-15%. Đây là loại phân được Công ty Mía đường Sơn La sản xuất chủ yếu để bón lót, bón thúc cho vùng nguyên liệu của công ty.

Xăng dầu

Công ty kinh doanh xăng dầu, cung cấp kịp thời, đáp ứng nhu cầu cho các phương tiện chuyên chở hàng hóa trong nội bộ Công ty.

Đường RE

Đây là sản phẩm mới của công ty. Được sản xuất từ cây mía và có độ tinh khiết rất cao nên còn được gọi là đường trắng tinh khiết. Trong quá trình sản xuất hoàn toàn không sử dụng hóa chất tẩy trắng nhưng vẫn loại bỏ được tạp chất, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

Phân tích SWOT

STRENGHT

Điểm mạnh

- Giá thành đường ở mức thấp hơn trung bình ngành do sở hữu dây chuyền sản xuất hiện đại, vùng nguyên liệu mía với chất lượng tốt. Giá bán không chịu chi phí vận chuyển lưu kho cũng như mất mát do đối tác mua hàng thường là các doanh nghiệp lớn thu mua đường tại nhà máy.

- Sở hữu vùng nguyên liệu khá ổn định (hơn 9.000 ha ~ hơn 3% vùng nguyên liệu trên cả nước) vì tạo được mối quan hệ tốt với người nông dân thông qua các chiến lược hợp tác bền vững, hỗ trợ người nông dân từ giống mía đến tu sửa cơ sở vật chất vận chuyển cho địa phương và chính sách đầu tư, thu mua phù hợp.

- Thổ nhưỡng phù hợp với canh tác mía, cho năng suất tốt, chữ đường mía cao.

WEAKNESS

Điểm yếu

- Vùng nguyên liệu đồi núi manh mún, độ dốc cao, khó cơ giới hóa;

- Chất lượng cây mía phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện thời tiết do không thể đầu tư hệ thống tưới tiêu quy mô lớn cho vùng nguyên liệu.

OPPORTUNITIES

Cơ hội

- Thổ nhưỡng và điều kiện tự nhiên thuận lợi, đem lại mía có năng suất ổn định và chữ đường cao;

- Tiếp tục được miễn thuế Thu nhập Doanh nghiệp từ hoạt động chế biến sản xuất nông sản do vị trí nhà máy ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Ngành mía đường đang nhận được sự quan tâm, hỗ trợ đặc biệt từ Chính phủ để nâng tầm chuỗi giá trị ngành.

- Thiếu hụt nguồn cung quốc tế và nhu cầu nội địa tăng

THREATS

Thách thức

- Công ty gặp phải sự cạnh tranh về giá với đường lậu, gian lận thương mại;

- Từ ngày 01/01/2020 Việt Nam đã chính thức thực hiện hiệp định ATIGA bãi bỏ hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đường từ các nước ASEAN;

- Vùng nguyên liệu mía gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ các cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn (cây ăn trái, ngô,...)

Các rủi ro trọng yếu

Rủi ro về kinh tế: Cũng giống như bất kì ngành sản xuất nào, ngành mía đường cũng chịu ảnh hưởng lớn từ biến động kinh tế thế giới và kinh tế nội địa. Sự thay đổi về tổng sản phẩm quốc nội, lãi suất, nhu cầu tiêu dùng trong nước và các thành tố khác trong nền kinh tế sẽ quyết định rất lớn đến sự phát triển của ngành và đối với một ngành sản xuất thực phẩm mang tính thiết yếu như ngành sản xuất đường thì lại càng quan trọng. Mỗi sự thay đổi của các yếu tố kinh tế vĩ mô sẽ tạo ra các điều kiện khác nhau buộc doanh nghiệp vi mô phải có những thích ứng phù hợp. Trong bối cảnh hiện tại, khi nền kinh tế bị ảnh hưởng từ xung đột Đông Âu và hệ quả còn tiếp diễn sau đại dịch, Công ty cần có nhiều những thay đổi cấp bách, quyết liệt nhằm giữ sự ổn định trong sản xuất và đảm bảo được mục tiêu phát triển bền vững.

Rủi ro về pháp luật: Mía đường Sơn La, với tư cách là một doanh nghiệp sản xuất đường đã đại chúng hóa và chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ năm 2012, chịu nhiều sự điều chỉnh và quản lí từ hệ thống luật pháp Việt Nam cũng như các hiệp định thương mại quốc tế. Các hoạt động của Công ty phải tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật đầu tư, pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như các nghị định, thông tư liên quan hướng dẫn thực hiện và các hiệp ước quốc tế như ATIGA, TPP, EVFTA. Trong bối cảnh mà hệ thống pháp luật ở Việt Nam còn đang trong giai đoạn đổi mới, hoàn thiện thì việc gặp phải những rủi ro trong lỗ hổng và trong thực hành luật là không thể tránh khỏi. Trên tinh thần thượng tôn pháp luật và cam kết tôn trọng lợi ích của tất cả các bên liên quan đối với hoạt động của Công ty, Mía đường Sơn La sẽ liên tục cập nhật, đào tạo và trao đổi về cơ chế luật hiện hành và những thay đổi để đảm bảo hạn chế tối đa việc vi phạm pháp luật.

Rủi ro về vùng nguyên liệu: Ngành mía đường Việt Nam đang đối diện với khó khăn đó là diện tích vùng nguyên liệu mía còn lại rất ít, ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu mía ép đầu vào. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của đường nhập khẩu được trợ giá từ Thái Lan, đường nhập lậu và gian lận thương mại trong các năm vừa qua làm cho giá đường trong nước xuống thấp, kéo theo giá mía cũng xuống thấp, bà con trồng mía bị thua lỗ nên chuyển qua các cây trồng, vật nuôi khác. Hiện tại, năng suất và chất lượng cây mía không đủ cao, vừa giảm tính cạnh tranh cho các doanh nghiệp chế biến đường, vừa là rào cản khiến các hộ nông dân chuyển sang nuôi trồng các loại cây khác mang giá trị công nghiệp cao hơn. Hệ quả là vùng nguyên liệu mía đang không bền vững, các doanh nghiệp mía đường có thể phải thu mua mía từ các nguồn xa nhà máy hơn, làm chi phí vận chuyển tăng cao. Đối với đặc điểm của Công ty, vùng nguyên liệu mía đồi núi Tây Bắc Bộ - Sơn La có thổ nhưỡng phù hợp hơn với việc trồng mía, tuy nhiên Công ty vẫn gặp khó khăn do diện tích trồng nhỏ, manh mún đến từ một số lượng rất lớn các hộ nông dân. Nhiều trong số các hộ nông dân này muốn chuyển đổi cây trồng, ảnh hưởng đến sản lượng mía đầu vào và tính ổn định của nguồn cung. Công ty đã và đang liên tục hỗ trợ về cây giống, phân bón, cải tạo đường xá cho tất cả các hộ nông dân và tỉnh Sơn La trong việc đảm bảo tính liên tục và bền vững của vùng nguyên liệu mía.

Rủi ro về cạnh tranh: Áp lực cạnh tranh đối với Công ty là rất lớn. Công ty phải cạnh tranh với các Công ty mía đường lớn khác trên cả nước. Ngoài ra, áp lực cạnh tranh còn đến từ đường nhập khẩu Thái Lan, đường nhập lậu, đường gian lận thương mại. Đối tượng khách hàng chính của Công ty là các doanh nghiệp, tổ chức phân phối và tiêu thụ đường làm nguyên liệu đầu vào nên sức cạnh tranh về giá là rất lớn và nếu không thể cạnh tranh được thì nguy cơ bị mất thị phần là rất lớn. Đối với các hình thức cạnh tranh không lành mạnh từ đường Thái Lan, ngày 15/06/2021, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1578/QĐ-BCT về áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp chính thức đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Vương quốc Thái Lan. Ngày 01/08/2022, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1514/QĐ-BCT về áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Lào, Ma-lai-xi-a và Mi-an-ma, các chính sách này đã tạo ra sân chơi lành mạnh cho ngành mía đường, tăng sức cạnh tranh của ngành sản xuất đường nội địa. Mức giá đường nguyên liệu lập đỉnh trong nửa đầu năm 2023 và vùng nguyên liệu mía từng bước được phục hồi,

giúp nông dân và doanh nghiệp giảm dần áp lực cạnh tranh.

Rủi ro ô nhiễm môi trường: Quá trình sản xuất đường từ cây mía sẽ sinh ra một số phụ phẩm như bã mía, mật rỉ, bùn lọc... Đây là các chất thải hữu cơ, không gây độc hại về mặt hóa chất nhưng nếu không được xử lý thì có thể gây ô nhiễm nghiêm trọng tới môi trường. Tuy nhiên với công nghệ xử lý chất thải hiện tại hoàn toàn có thể xử lý được hết các chất thải độc hại này. Công ty đã quan tâm việc nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, chủ động tận dụng một phần phế phẩm trong quá trình sản xuất đường từ cây mía để làm thành phân vi sinh nhằm tối đa hóa lợi nhuận từ cây mía và giảm thiểu tác hại tới môi trường

Rủi ro về thời tiết và biến đổi khí hậu: Là một ngành sản xuất có đầu vào là sản phẩm nông nghiệp nên ngành sản xuất đường mía chịu ảnh hưởng rất lớn từ tác động của thời tiết và môi trường. Biến đổi khí hậu khiến các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, mưa lũ, giông bão xảy ra thường xuyên hơn. Các hiện tượng El Nino và La Nina cũng khó đoán hơn và cường độ mạnh hơn cũng khiến việc kiểm soát chất lượng mía khó khăn hơn. Biến đổi khí hậu toàn cầu cũng đang diễn ra rất nghiêm trọng tại Việt Nam và nguy cơ nhiều giống cây trồng khó thích ứng với những biến đổi này là hiện hữu. Nhận thức được rủi ro lớn về thời tiết và môi trường, Công ty chủ động trong việc nghiên cứu, tìm tỏi các giống mía mới, hỗ trợ bà con nông dân trong việc canh tác, ứng phó với thời tiết cực đoan, biến đổi khí hậu, đặc biệt là với mưa lũ tại địa phương có địa hình đồi núi như tỉnh Sơn La.

Rủi ro khác: Ngoài các rủi ro mang tính hệ thống và phi hệ thống trên, Công ty cũng chịu những rủi ro bất thường ngoài tầm kiểm soát như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, tổn thất về nhân lực. Tuy nguy cơ xảy ra là không cao nhưng các rủi ro trên thường đem lại hậu quả bất thường, gây thiệt hại nặng nề nếu như không có sự đề phòng trước. Công ty luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, dự phòng trước những thiên tai bất thường đặc chưng tại địa phương. Đặc biệt, đại dịch toàn cầu, xung đột quân sự là rủi ro chung rất lớn của toàn thế giới và Công ty đã có những thay đổi, tư duy mới để kịp thời đối phó với diễn biến mới trên trường quốc tế và trong nước.

Một số hình ảnh tại nhà máy sản xuất đường

Định hướng phát triển

Trở thành Công ty sản xuất Công - Nông nghiệp với công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La có bề dày gần 30 năm thành lập và phát triển, trải qua nhiều lần thay đổi, cải cách cả về máy móc, con người lẫn cơ cấu tổ chức. Trong mọi giai đoạn phát triển, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La luôn nỗ lực đưa công ty trở thành một trong những công ty hàng đầu của ngành mía đường theo một cách bền vững. Công ty luôn chủ động nắm bắt những công nghệ sản xuất mía đường tiên tiến nhất, đi cùng với đó là công tác đảm bảo vệ sinh môi trường nhằm hướng tới sự phát triển bền vững không chỉ cho bản thân công ty mà còn cho xã hội và cộng đồng.

Sở hữu đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, vùng nguyên liệu ổn định bền vững, mang đến cho đối tác và khách hàng các sản phẩm tiện ích với chi phí hợp lý, chất lượng cao. Nhân tố con người luôn được Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đề cao. Đội ngũ nhân viên công ty luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm và sự cầu thị cao trong công việc nhằm mang lại hiệu quả làm việc cao và những thông lệ tốt đẹp cho công ty. Điều này được thể hiện rõ ràng qua kết quả sản xuất kinh doanh và chất lượng sản phẩm của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.

1. *Liên tục cải tiến công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng hiệu quả hoạt động nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty*
2. *Phát triển vùng nguyên liệu bền vững. Đưa ra các chính sách thu mua và hỗ trợ cho cây mía một cách phù hợp để đảm bảo lợi ích hài hòa giữa công ty và người trồng mía.*
3. *Đảm bảo chất lượng, điều kiện lao động, các chính sách phúc lợi hợp lý và đúng quy định pháp luật cho cán bộ công nhân viên công ty.*
4. *Thực hiện tốt các mục tiêu phát triển bền vững mà Ban lãnh đạo công ty đề ra*
5. *Nâng cao uy tín, chất lượng sản phẩm, tạo mối quan hệ tốt với các đối tác và nhà đầu tư.*

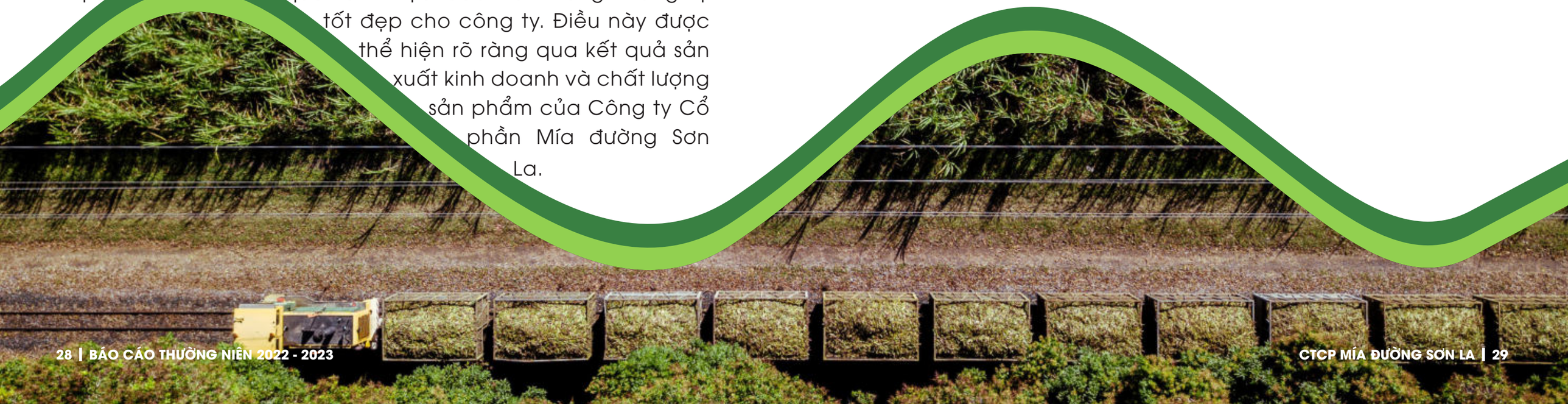

PHẦN II: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Sơ đồ tổ chức bộ máy 32

Thành phần ban lãnh đạo 34

Thông tin cổ đông và cổ phiếu 40

Quá trình tăng vốn điều lệ 42

Thù lao HĐQT, BKS và TGĐ 42

Báo cáo của BKS về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 44

Công bố thông tin niên vụ 2022 - 2023 50

Sơ đồ tổ chức bộ máy

Hiện tại, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần đại chúng, đã niêm yết trên sàn HNX. Dựa trên các mục tiêu phát triển chiến lược, công ty đã xây dựng mô hình quản trị phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định theo Pháp luật Việt Nam và Điều lệ công ty.

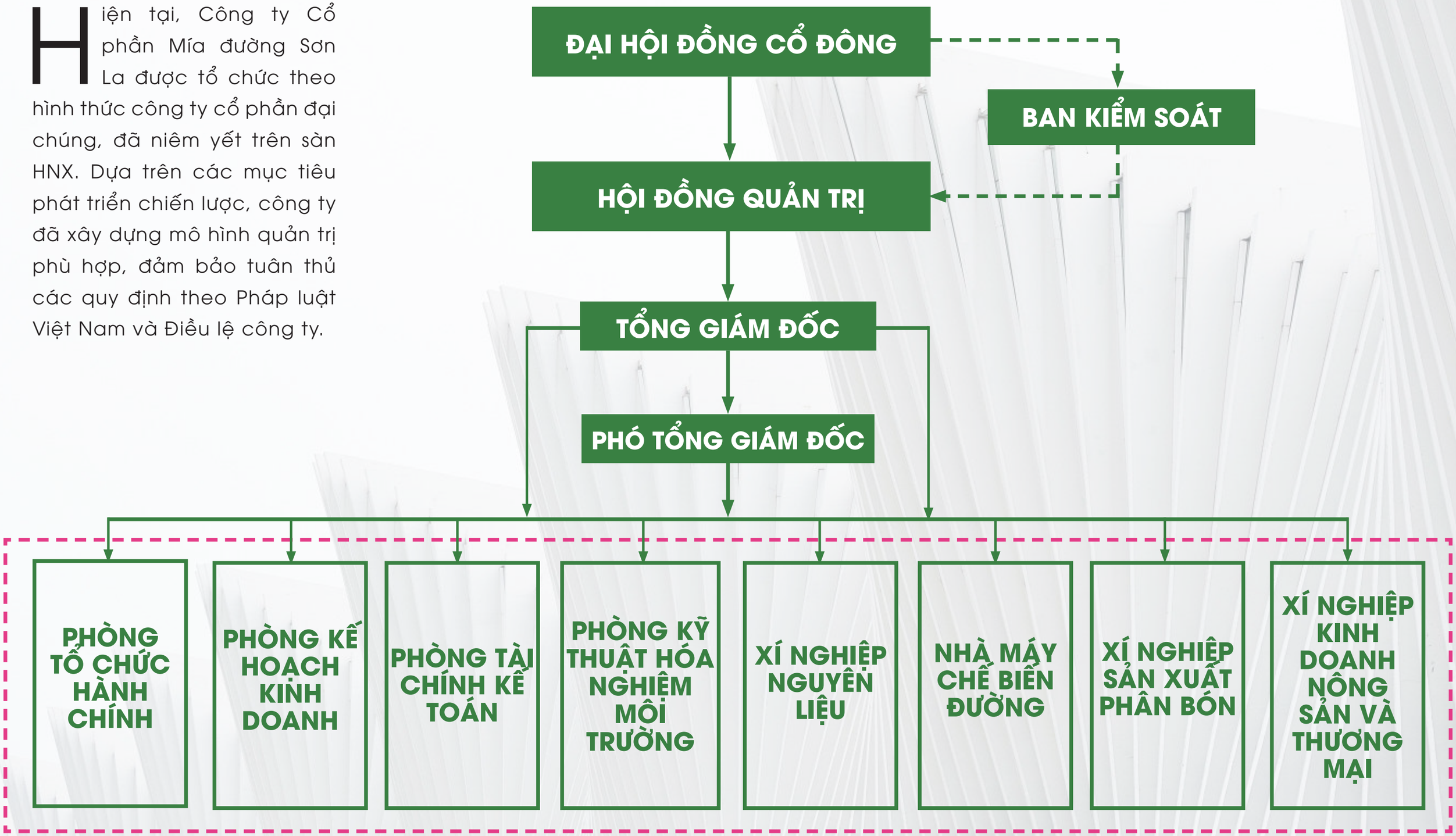

Thành phần ban lãnh đạo

1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Đặng Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	963.878	9,84%
Trần Ngọc Hiếu	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	131.731	1,35%
Nguyễn Trường Chinh	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0%
Thái Văn Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0%
Trần Thị Nhi	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0%

Dựa trên danh sách cổ đông ngày 22/08/2023

Ông ĐẶNG VIỆT ANH
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Nơi sinh Củ Chi, TP.HCM
Năm sinh 1978
Địa chỉ Quận 5, TP. HCM
Trình độ Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

2006 - 2007	CTCP Chứng khoán Ngân hàng phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long
2007 - 2008	CTCP Chứng khoán Việt Quốc
2009 - 2010	TCT Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước chi nhánh khu vực phía Nam.
2010 - 2011	Thành viên HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre.
2013 - 2015	Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum.
2015 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

Ông TRẦN NGỌC HIẾU
Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Nơi sinh Hà Nội
Năm sinh 1956
Địa chỉ Quận 5, TP. HCM

Quá trình công tác

1976 - 1981	Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia
1982 - 1997	Chuyên ngành Kinh doanh Lương thực thực phẩm.
2015	CTCP Chứng khoán Việt Quốc.
2015 - nay	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La.

Ông NGUYỄN TRƯỜNG CHINH
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Nơi sinh Hòa An, Tuy Hòa, Phú Yên
Năm sinh 1972
Địa chỉ Tuy Hòa, Phú Yên

Quá trình công tác

1996 - 2001	Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật - Công ty Mía đường Tuy Hòa
2001 - 2008	Quản đốc Phân xưởng Đường - Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa.
2009 - 2016	Giám đốc Nhà Máy Đường - Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa.
2017 - 2018	Giám đốc xí nghiệp chế biến đường Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
2018 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.

Ông THÁI VĂN HÙNG
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Nơi sinh	Hội An, Quảng Nam
Năm sinh	1972
Địa chỉ	Tuy Hòa, Phú Yên

Quá trình công tác

1995 - 1996	Kỹ thuật viên Phòng Kỹ Thuật CTCP Mía đường Tuy Hòa.
1996 - 2000	Phó quản đốc Phân xưởng sản xuất đường CTCP Mía đường Tuy Hòa.
2001	Trưởng phòng kỹ thuật - KCS CTCP Mía đường Tuy Hòa.
2011 - 2016	Trưởng phòng Vật tư, đầu tư và xây dựng cơ bản CTCP Mía đường Tuy Hòa.
2016 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
09/2020 - nay	Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

Bà TRẦN THỊ NHI
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Nơi sinh	Quảng Bình
Năm sinh	1964
Địa chỉ	Quận 3, TP.HCM

Quá trình công tác

1984 - 1989	- Phụ trách kế toán, trường dạy nghề nội thương Bình Trị Thiên.
1989 - 2010	- Lần lượt là Phó phòng kế toán, Kế toán trưởng kiêm Phó TGĐ Công ty Thương mại Quảng Trị.
2010 - 2013	- Phó GĐ Công ty CP Thương mại - Dịch vụ Quảng Trị.
2014 - 2015	- Thành viên BKS Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
2015 - 2016	- Trưởng BKS Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
2016 - nay	- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

2 Ban Kiểm Soát

Bà NGUYỄN THỊ THỦY
Trưởng Ban Kiểm Soát

Nơi sinh	Bình Dương
Năm sinh	1960
Địa chỉ	Thuận An, Bình Dương

Quá trình công tác

1985 - 1987	Cục Thuế Bình Dương
1987 - 2014	Công ty Cổ phần Đường Bình Dương
2014 - nay	Công ty TNHH Kim Hà Việt
2016 - nay	Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.

Ông NGUYỄN VĂN TÀI
Thành viên Ban Kiểm Soát

Nơi sinh	Thái Bình
Năm sinh	1968
Địa chỉ	Mai Sơn, Sơn La

Quá trình công tác

1997 - nay	Công tác tại Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
2018 - nay	Thành viên BKS Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
2018 - nay	Chủ tịch công đoàn Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
2018 - nay	Bí thư Đảng bộ Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

Ông NGUYỄN VĂN ĐÃI
Thành viên Ban Kiểm Soát

Nơi sinh Sơn La

Năm sinh 1975

Địa chỉ Mai Sơn, Sơn La

Quá trình công tác

1997 - 2006	Công nhân vận hành nấu đường - CTCP Mía đường Sơn La
2007 - 2010	Vận hành kiêm tổ trưởng nấu đường - CTCP Mía đường Sơn La.
2010 - 2015	Nhân viên phòng Kỹ thuật - Hóa nghiệm - CTCP Mía đường Sơn La.
12/2015 - 01/2017 12/2017 - 04/2018	Phó giám đốc Xí nghiệp chế biến đường - CTCP Mía đường Sơn La.
12/2015 - nay	UV. BCH Đảng ủy, Bí thư chi bộ Xí nghiệp Chế biến đường - CTCP Mía đường Sơn La.
07/2017 - 08/2017	Phó phòng Tổ chức hành chính - CTCP Mía đường Sơn La.
08/2017 - 12/2017	Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ
09/2021 - nay	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.

3 Ban Tổng Giám Đốc

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Trần Ngọc Hiếu	Tổng Giám đốc	131.731	1,35%
Thái Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	0	0%

Ông TRẦN NGỌC HIẾU
Tổng giám đốc

Nơi sinh Hà Nội

Năm sinh 1956

Địa chỉ Quận 5, TP. HCM

Quá trình công tác

Xem phần Hội đồng quản trị

Ông THÁI VĂN HÙNG
Phó Tổng giám đốc

Nơi sinh Hội An, Quảng Nam

Năm sinh 1972

Địa chỉ Tuy Hòa, Phú Yên

Quá trình công tác

Xem phần Hội đồng quản trị

Thông tin cổ đông và cổ phiếu

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	SLS
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/ cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết/ đăng ký giao dịch	16/10/2012
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	9.791.945 cp
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cp
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	9.791.945 cp
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	0 cp

	Số lượng	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	5.044.780	51,52%
Cổ đông nhỏ	4.747.165	48,48%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng	**9.791.945**	**100%**
Cổ đông trong nước	9.755.787	99,63%
Cổ đông nước ngoài	36.158	0,37%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng	**9.791.945**	**100%**
Cổ đông cá nhân	8.216.306	83,91%
Cổ đông tổ chức	1.575.639	16,09%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng	**9.791.945**	**100%**
Cổ đông nhà nước	0	0%
Cổ đông khác	9.791.945	100%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng	**9.791.945**	**100%**

Thông tin cổ đông và cổ phiếu tại ngày 22/08/2023

Danh sách cổ đông lớn

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thị Thái	2.686.060	27,43%
2	Công ty TNHH Thái Liên	1.468.800	15,00%
3	Đặng Việt Anh	963.878	9,84%
4	Cổ đông sở hữu dưới 5% VĐL	4.673.107	47,73%
Tổng cộng		**9.791.945**	**100%**

Các giao dịch liên quan đến cổ đông lớn, giao dịch giữa người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ trong niên độ

Không có

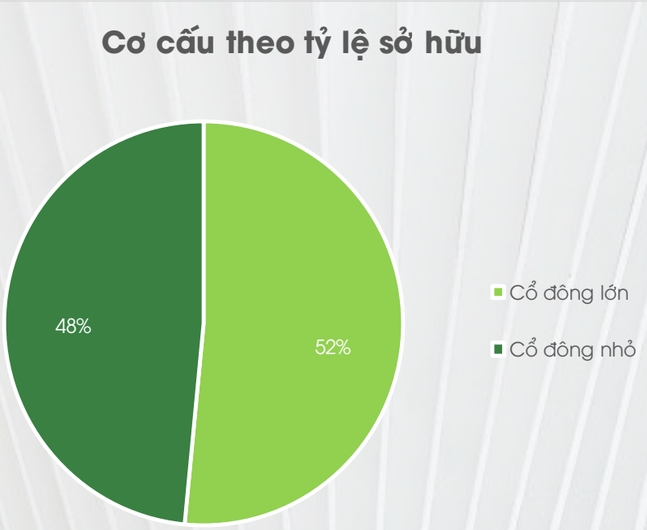

Quá trình tăng vốn điều lệ

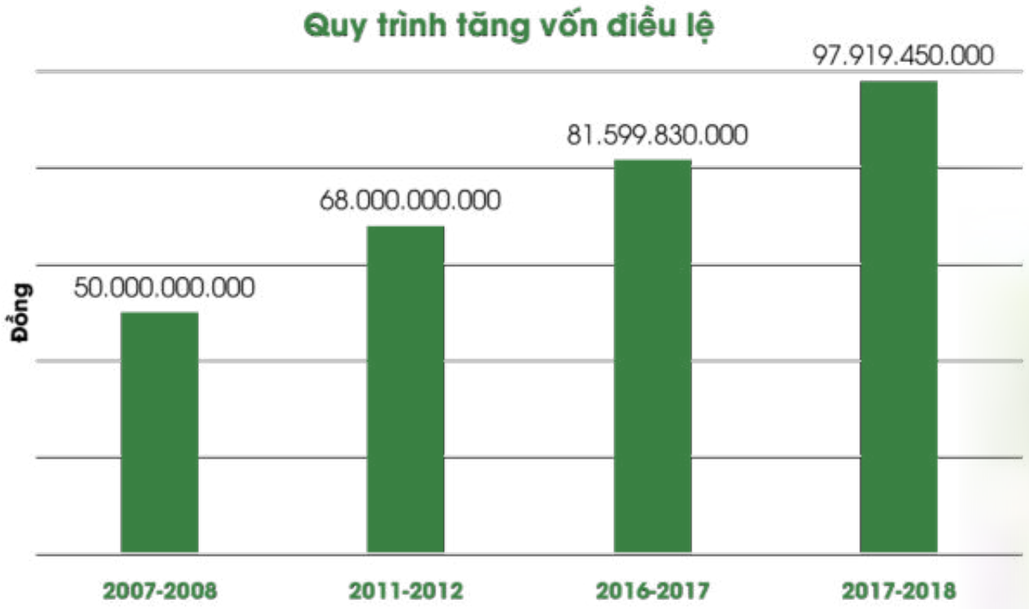

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát & Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (đồng)
1	Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	420.000.000
2	Trần Ngọc Hiếu	Phó chủ tịch HĐQT - TGĐ	300.000.000
3	Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT – P.TGĐ	180.000.000
4	Trần Thị Nhi	Thành viên HĐQT	180.000.000
5	Nguyễn Trường Trinh	Thành viên HĐQT	180.000.000
6	Nguyễn Thị Thủy	Trưởng BKS	180.000.000
7	Nguyễn Văn Tài	Thành viên BKS	60.000.000
8	Nguyễn Văn Đãi	Thành viên BKS	60.000.000

Báo cáo của ban kiểm soát về tình hình quản trị - sản xuất kinh doanh

1. Nhân sự của BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023

Nhân sự của BKS nhiệm kỳ 2018-2023 được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 tổ chức vào ngày 25/9/2018 gồm
- Bà Nguyễn Thị Thủy: Trưởng ban.
- Ông Nguyễn Văn Tài: Kiểm soát viên.
- Ông Nguyễn Văn Minh: Kiểm soát viên

Đến ĐHĐCĐTN năm 2021 tổ chức vào ngày 22/9/2021 đã bầu ông Nguyễn Văn Đãi trúng cử vào TV BKS thay cho ông Nguyễn Văn Minh có đơn xin từ nhiệm.

2. Hoạt động của BKS niên độ 2022 - 2023 và nhiệm kỳ 2018 - 2023

Niên độ 2022-2023 và nhiệm kỳ 2018-2023, BKS đã thực hiện các công việc chủ yếu như sau:

- Giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT); công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc (Ban TGĐ) và hoạt động SXKD của Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban TGĐ;
- Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Giám sát tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn.
- Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm. Xem xét báo cáo của kiểm toán độc lập trong và sau quá trình kiểm toán.
- Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện sai sót hoặc rủi ro tiềm ẩn, cảnh báo sớm và kiến nghị HĐQT, Ban TGĐ các giải pháp khắc phục.
- Kiểm tra, soát xét việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Kiểm soát việc thực hiện các quy định về công bố thông tin của Công ty đối với UBCK nhà nước, Sở GDCK Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng tải trên webside của Công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT mở rộng và các buổi họp giao ban của Ban điều hành. Báo cáo đánh giá và đóng góp ý kiến cho HĐQT, Ban TGĐ trong quá trình quản trị, điều hành và tổ chức hoạt động của Công ty.
- Tham gia xây dựng Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của BKS phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động SXKD của Công ty để trình ĐHĐCĐ thông qua.
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

Niên độ 2022-2023 BKS đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để triển khai chương trình công tác và đánh giá kết quả kiểm tra giám sát, tổ chức 03 cuộc kiểm tra trực tiếp hoạt động của Công ty để thực hiện các công việc nêu trên. Ngoài ra BKS cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động;

Niên độ 2022 - 2023 và nhiệm kỳ 2018 - 2023, BKS đã hoạt động đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy chế hoạt đông của BKS. Thông qua hoạt động, BKS đã đưa ra các ý kiến, đồng thời kiến nghị với HĐQT, BĐH về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ kiểm tra giám sát của Công ty.

Căn cứ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của BKS, BKS tự đánh giá trong nhiệm kỳ vừa qua tập thể BKS và từng Kiểm soát viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp niên độ 2022 - 2023 và nhiệm kỳ 2018 - 2023

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty, triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động SXKD của Công ty và công tác điều hành của Ban TGĐ. Các thành viên HĐQT đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao luôn bám sát tình hình thực tế, thường xuyên tham dự các buổi giao ban của BĐH để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban TGĐ trong công tác điều hành.
- HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, họp đột xuất bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến để triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như thông qua nhiều nghị quyết, quyết định quan trọng. Ngoài ra còn ban hành các loại văn bản khác để chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty. Trong các cuộc họp hoặc bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã chỉ đạo toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, ban hành các chủ trương, giải pháp và đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty như chỉ đạo thực hiện một số hạng mục để tiết kiệm hơi trong sản xuất; Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định đáp ứng mía đủ công suất hoạt động cho nhà máy theo từng giai đoạn, tiêu thụ sản phẩm đường và các phụ phẩm...
- Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong hoạt động SXKD, công tác quản lý và công bố thông tin cũng như trong các giao dịch.
- Ban TGĐ và người điều hành khác của doanh nghiệp đã điều hành hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Ban kiểm soát đánh giá trong nhiệm kỳ vừa qua, công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT, công tác điều hành của Ban TGĐ và người điều hành khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT, Ban TGĐ và người điều hành khác của doanh nghiệp đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao, đặc biệt niên độ 2022-2023 đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD

4. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

4.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu của niên độ 2022 - 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 01/07/2022 30/06/2023	TH 01/07/2022 30/06/2023	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
1. Tổng doanh thu thuần	Tr.đ	1.110.731	1.175.940	154,49
2. Tổng chi phí	Tr.đ	1.035.431	1.192.618	115,18
3. Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	75.300	523.322	694,98
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	75.300	523.115	694,71
5. Lãi cơ bản/cổ phiếu	**Đồng**		**53.423**	

- Kết quả doanh thu thực hiện so - Kết quả doanh thu thực hiện so với kế hoạch từ 01/07/2022 đến 30/06/2023 đạt 154,49 % do tình hình tiêu thụ đường về sản lượng và giá cả đều tăng.
- Tổng chi phí thực hiện so với kế hoạch từ 01/07/2022 đến 30/06/2023 đạt 115,18 %, do sản lượng tăng trong đó giá mía, giá cước vận chuyển mía và cả các mặt hàng vật tư hoá chất đều tăng. Tuy vậy, Công ty vẫn cố gắng hết sức trong việc tiết giảm mọi chi phí từ các định mức kinh tế kỹ thuật, chi phí sản xuất chung...
- Lợi nhuận thực hiện trước đạt kế hoạch 694,98 %, lợi nhuận sau thuế 694,71% nguyên nhân chủ yếu là do giá cả đường thế giới tăng và khiến giá cả trong nước tăng đồng thời khi có quyết định chính thức áp thuế CBPG và CTC nên giá đường trong nước ổn định tăng. Ngoài ra tốc độ tăng doanh lớn hơn tốc độ tăng chi phí do vậy lợi nhuận vượt mức kế hoạch.
- Việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022 theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 22/09/2022, chi trả cổ tức 100 % VĐL là 97.919.450.000 đ trích lập các quỹ 6 tỷ. Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối là 501.832.364.701 đ.
- Tỉ lệ chia cổ tức năm nay tối thiểu bằng 30% VĐL theo nghị quyết năm 2022 hoặc tỉ lệ khác do ĐHĐCĐ này quyết định

4.2 Một số lĩnh vực hoạt động chính của Công ty

- Công tác nguyên liệu: Diện tích thực hiện tăng 5,42%% cùng với năng suất bình quân tăng 1,1%, so với năm Kế hoạch làm sản lượng mía tăng 6,4%, đạt được 660 ngàn tấn trong đó mía cho sản xuất là 664 ngàn tấn, Tỷ lệ thu hồi vốn đầu tư trong vụ đạt 99,74 %. HĐQT, BĐH đã luôn có những bước đột phá trong chính sách đầu tư nguyên liệu như chi hỗ trợ cho phát triển vùng nguyên liệu: Sửa chữa đường giao thông, chi phí chuyển đổi cây trồng; đào hố; đào rảnh, kinh phí cho hoạt động tại địa phương (Bản, xã, nông trường), hỗ trợ giống mía chín sớm, có năng suất cao, từng bước thực hiện cơ giới hóa, trong khâu trồng và chăm sóc mía, bước đầu mang lại hiệu quả tốt... cũng như vận động nông dân áp dụng đúng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc mía nhất là về việc bón đúng phân bón và gặp thời tiết thuận lợi làm năng suất tăng và chất lượng mía.

- Công tác vận chuyển mía: Công tác vận chuyển mía tương đối ổn định do thời tiết lúc thu hoạch không có mưa. Tuy nhiên CVC cao do phải hỗ trợ lái xe vận chuyển mía do giảm trọng tải vận chuyển bình quân/chuyến theo quy định của cơ quan chức năng tăng cường xử phạt quá khổ, quá tải.

- Công tác sản xuất chế biến đường: Sản lượng đường sản xuất vượt 7.4% kế hoạch do nguyên liệu mía tăng, Hiệu suất an toàn thiết bị đạt 99,4; Hiệu suất ép hiệu chỉnh đạt 99,6%; Hiệu suất tổng thu hồi đạt 101.6 %. Đưa phương án tiết kiệm hơi vào sản xuất có hiệu quả làm giảm tiêu hao phần lớn các loại hóa chất chủ yếu thấp hơn kế hoạch như vôi, H3PO4, NaOH... chất lượng đường ổn định, đạt tiêu chuẩn, độ màu tương đối đồng đều.

- Công tác tiêu thụ sản phẩm: Việc tiêu thụ sản phẩm, BĐH thực hiện theo đúng phê duyệt của HĐQT. Việc quản lý, nhập xuất sản phẩm chặt chẽ, trong nhiệm kỳ 2018-2023 không phát sinh thừa, thiếu. Giá đường trong vụ có tăng, Vì vậy sản phẩm đường của công ty đã chiếm được vị thế trên thị trường đường trong nước. Sản phẩm đường của Công ty đã đạt chuẩn ISO và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

- Công tác mua sắm vật tư, phụ tùng: Công tác mua sắm vật tư, phụ tùng hoá chất được thực hiện công khai minh bạch với giá cả phù hợp, vật tư hóa chất được cung ứng kịp thời, đáp ứng yêu cầu của công tác sản xuất và bảo dưỡng.

- Công việc khác: Việc tham gia liên doanh liên kết của Công ty TNHH NN Tô Hiệu cũng mang lại hiệu quả về kinh tế và đảm bảo việc cung cấp mía cho Công ty. Phương án khoán đối với hoạt động của XNNS về bán đường lẻ vẫn tiếp tục duy trì tạo sự chủ động cho đơn vị và Công ty tự bán xăng dầu cũng góp phần tăng hiệu quả SXKD của Công ty. Việc sản xuất phân vi sinh để cung cấp cho nông dân cũng được Công ty quan tâm sản xuất theo nhu cầu đăng ký hằng năm của XN nguyên liệu, sản xuất phân vi sinh bảo vệ được môi trường.

- Công tác lao động, tiền lương: Tiền lương được Công ty thanh toán đầy đủ và kịp thời. Tiền lương bình quân người lao động trong năm tăng 5% so với năm trước. Ngoài ra trong vụ sản xuất còn thưởng tháng 13, tháng 14 và tiền thưởng vào dịp 30/04, 2/9, tết dương lịch... Các chế độ khác như: Bảo hiểm, phụ cấp độc hại, tiền thêm giờ thực hiện theo đúng theo quy định của pháp luật và đảm bảo các khoản phải nộp thuộc nghĩa vụ của người lao động: BHXH, BHYT, BHTN, ĐPCĐ.

- Công tác an ninh trật tự đảm bảo thực hiện nghiêm các nội quy, quy chế của công ty. Công tác phòng chống cháy nổ được kiểm tra thường xuyên và trang bị đầy đủ, được thực hiện tốt. Vệ sinh công nghiệp tuân thủ nghiêm ngặt, sạch sẽ và thông thoáng.

- Công tác bảo vệ, xử lý môi trường quản lý hệ thống nước thải rất nhạy, thu gom phân loại rác thải tốt. phòng tránh nguy cơ gây ảnh hưởng đến công tác sản xuất.

5. Kết quả giám sát hoạt động SXKD nhiệm kỳ 2018 - 2023

Chỉ tiêu	Đvt	Niên vụ 18 - 19	Niên vụ 19 - 20	Niên vụ 20 - 21	Niên vụ 21 - 22	Niên vụ 22 - 23	Nhiệm kỳ 18 - 23
Tổng doanh thu	Trđ	892.935	1.065.748	815.631	885.065	1.715.940	5.375.319
Tổng chi phí	Trđ	829,698	946,431	651,822	697,426	1,174,256	4,299,633
Lợi nhuận trước thuế TNDN	Trđ	63,237	119,317	163,809	187,639	523,322	1,057,324
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Trđ	63,237	119,317	163,809	187,639	523,115	1,057,117
Lãi cơ bản/cổ phiếu	đồng	6,458	12,185	16,729	19,162	53,423	
Chia cổ tức bằng tiền	%	50	70	80	100		
Vốn điều lệ	Trđ	97,919	97,919	97,919	97,919	97,919	
Nguồn vốn chủ sở hữu	Trđ	504,051	571,209	656,783	760,078	1,180,648	

Những niên vụ đầu nhiệm kỳ ngành mía đường trong nước đối mặt với nhiều khó khăn thách thức như cạnh tranh với đường nhập lậu, gian lận thương mại, Đại dịch covid -19 bùng phát trên toàn thế giới, chiến tranh Nga - Ucraina ... khiến cho giá đường biến động khó lường, chi phí sản xuất tăng cao. Trong bối cảnh khó khăn chung, HĐQT, BĐH đã nỗ lực phấn đấu để đạt được lợi nhuận sau thuế cả nhiệm kỳ là 1 tỷ 057 đồng, nguồn vốn CSH tăng dần qua các năm từ 504 tỷ 051 triệu lên đến 1180 tỷ 648, bảo toàn và phát triển vốn gấp đôi cho cổ đông, việc làm của người lao động được ổn định, thu nhập được cải thiện; các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính niên độ 2022 - 2023

- Báo cáo tài chính từ 01/07/2022 đến 30/6/2023: đã được trình bày đầy đủ rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2023 theo đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đã được Công ty TNHH Kiểm toán BDO báo cáo số BC/BDO/2023.515 ngày 29/8/2023 và đưa ra báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.
- BKS thống nhất với kiểm toán viên độc lập về báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2023.
- Các chỉ tiêu tài chính tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2022-2023 (30/6/2023) đều được tăng so với thời điểm kết thúc năm tài chính 2021-2022 (30/6/2022), riêng tỷ lệ nợ phải trả giảm chứng tỏ Công ty đã thanh khoản tối đa các khoản nợ, đảm bảo khả năng thanh toán kịp thời, đúng hạn, dòng tiền luân chuyển, tình hình tài chánh, vốn đảm bảo an toàn và phát triển tốt.
- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn CSH năm nay cao gấp 2 lần so với năm trước.
- Các khoản dự kiến tổn thất về tài sản (nợ khó đòi, hàng tồn kho) đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

7. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban điều hành

- BKS luôn nhận được sự ủng hộ và giám sát chặt chẽ của các cổ đông, sự phối hợp cộng tác tích cực của HĐQT và BĐH theo đúng chức năng nhiệm vụ và phù hợp với điều lệ Công ty, pháp luật hiện hành để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.
- Các Nghị quyết, Quyết định và các chủ trương của HĐQT, BĐH đã được cung cấp kịp thời cho BKS. Các cuộc họp của HĐQT đều mời BKS tham gia và đóng góp ý kiến độc lập trong công tác quản trị điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. BĐH luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS tiếp cận với hoạt động của Công ty. Phần lớn các đề xuất, kiến nghị của BKS được HĐQT và BĐH ghi nhận và tiếp thu.

8. Kế hoạch hoạt động niên độ 2023 - 2024

Niên độ 2023 - 2024 và nhiệm kỳ 2023 - 2028 BKS duy trì công tác kiểm soát thường xuyên và định kỳ hằng quý, năm theo quy định của điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của BKS với mục tiêu chung là giám sát tình hình hoạt động SXKD và tài chánh của Công ty; giám sát các hoạt động quản trị và điều hành; phối hợp hoạt động với HĐQT, Ban TGĐ và cổ đông.

Nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty và các quy chế, quy định của Công ty trong việc quản lý, điều hành doanh nghiệp.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban TGĐ;

- Kiểm tra việc mua nguyên vật liệu và bán sản phẩm.

- Giám sát tình hình tài chính, sử dụng và quản lý vốn của Công ty.

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư nguyên liệu mía, thu nợ đầu tư và giá thành sản phẩm.

- Giám sát công việc kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán và các quy định về kế toán tài chánh.

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý và năm.

- Các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của BKS.

9. Kiến nghị của ban kiểm soát

1 Công tác nguyên liệu: Đề nghị HĐQT, BĐH tiếp tục có các chính sách thu mua, đầu tư và hỗ trợ phù hợp vùng nguyên liệu do có quá nhiều hộ nhỏ lẽ, đất đồi núi, nên việc quản lý khá phức tạp cho việc tăng diện tích, cần lưu ý việc thâm canh và bổ sung giống mía mới có năng suất và chất lượng. Cần vận động nông dân áp dụng kỹ thuật, cơ khí hóa vào đồng ruộng, sử dụng phân bón phù hợp để nâng cao năng suất, chất lượng mía, tăng thu nhập cho bà con và góp phần giảm giá thành sản phẩm mía cây.

2 Phát triển nhiều kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh công tác tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn, giảm chi phí sản xuất kinh doanh.

3 Tiếp tục phát huy tối đa kinh nghiệm và tập trung nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển lĩnh vực kinh doanh chế biến đường và các mặt hàng khác.

4 Bộ máy nhân sự tuy đã được củng cố nhưng chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, còn nhiều hạn chế về nhân sự chủ chốt kế thừa của xí nghiệp chế biến đường. lao động chưa đáp ứng được yêu cầu vẫn còn khá lớn. Do vậy cần tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp lao động, tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề trong mọi lĩnh vực nhất là nhân sự cho nhà máy đường, bố trí đúng người, đúng việc để tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả.

Công bố thông tin niên vụ 2022 - 2023

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đã chính thức trở thành công ty đại chúng và niêm yết trên sàn chứng khoán từ năm 2012. Ban lãnh đạo Công ty ý thức rất rõ những trách nhiệm mà một Công ty đại chúng cần phải thực hiện, đặc biệt là trách nhiệm liên quan đến công khai, minh bạch thông tin Công ty

Công ty cũng giao nhiệm vụ cho các cán bộ có năng lực, trách nhiệm phụ trách việc công bố thông tin cho Công ty cũng như hợp tác với các đơn vị tư vấn để hoạt động công bố thông tin nói riêng và quan hệ nhà đầu tư nói chung của Công ty được triển khai một cách chuyên nghiệp, đạt hiệu quả cao nhất. Công ty cam kết luôn thực hiện đầy đủ pháp luật về quản trị công ty đại chúng, pháp luật về chứng khoán cũng như công bố thông tin được quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Thông tư 96/2020/TT-BTC, Quy chế CBTT của VNX v.v..

Công ty luôn công bố đầy đủ và đúng thời hạn các công bố định kỳ như: Báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo tài chính bán niên soát xét, Báo cáo tài chính năm kiểm toán, Báo cáo thường niên 2022, CBTT về tổ chức Đại hội đồng cổ đông, và các công bố bất thường khác.

CBTT Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính quý I, II, III, IV
- Báo cáo tài chính bán niên 2022 - 2023
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính bán niên
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế tại BCTC đã kiểm toán của năm 2022 - 2023
- BCTC năm 2022 - 2023 đã kiểm toán

CBTT Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Tài liệu họp ĐHCĐ 2022, ĐHCĐ 2023 (30/08/2023)
- Biên bản, nghị quyết ĐHCĐ 2022

CBTT Báo cáo thường niên

- Báo cáo thường niên niên vụ 2022 - 2023

CBTT Khác

- Các nghị quyết của HĐQT
- Các quyết định bổ nhiệm
- Báo cáo tình hình quản trị công ty
- Quy chế công bố thông tin
- Các CBTT bất thường, theo yêu cầu khác theo quy định

Phần III: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư 54

Tình hình tài chính 56

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư

1. Kết quả sản xuất

Tổng sản lượng mía: 660.021 tấn

Tỷ lệ thu hồi vốn đầu tư: 99,7%

Công suất ép đạt 4.730 TMN

Năng suất bình quân 68,05 tấn/ha, tương đương 101,1% kế hoạch

Diện tích trồng mía 9.699 ha, tương đương 105,4% kế hoạch

2. Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện niên vụ 2021 - 2022	Niên vụ 2022 - 2023		
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
Tổng doanh thu	Tr.đ	884.625	1.110.731	1.715.940	154,49%
Giá vốn hàng bán	Tr.đ	696.931	1.035.431	1.174.256	113,41%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	187.639	75.300	523.322	694,98%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	187.639	75.300	523.115	694,71%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	19.163		53.423	

Niên vụ 2022 - 2023 vừa qua, giá trị doanh thu thuần đạt được của Công ty là 1.715,94 tỷ đồng, tương đương đến 154,49% mức kế hoạch đề ra (tăng 93,97% yoy). Mức tăng trưởng doanh thu rất tốt đến từ sản phẩm chủ đạo đường, mật rỉ và bã bùn với mức tăng doanh thu gần gấp đối so với niên vụ trước. Thêm vào đó, mức giá bán đường trong nước tăng cao cũng góp phần khiến chất lượng doanh thu tăng cao. Giá vốn hàng bán đạt 1.174,256 tỷ đồng, tương ứng 113,41% và tăng 68,49% yoy, tuy tăng lên so với kế hoạch và niên vụ trước nhưng so sánh với quy mô tăng doanh thu thì đây là mức tăng giá vốn rất phù hợp. Việc Công ty chủ động được nguồn nguyên liệu mía trong bối cảnh thời tiết bất lợi và nguồn cung hạn chế đã góp phần lớn khiến cho giá vốn hàng bán không tăng nhiều hơn mức tăng trưởng doanh thu. Các yếu tố doanh thu thuần và giá vốn đạt kết quả tốt giúp cho mức lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt mức rất cao so với kế hoạch là 523,115 tỷ đồng, tương đương đến 694,71% kế hoạch và tăng 178,78% yoy. Có thể nói, đây là thành quả rực rỡ của Công ty trong niên vụ vừa qua khi vừa tăng trưởng tích cực sản lượng sản xuất, tiêu thụ và có những yếu tố thuận lợi nhất định về thị trường

Đơn vị: triệu đồng

	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023
TỔNG DOANH THU	**890,18**	**1.065,74**	**815,64**	**884,62**	**1.737,36**
Doanh thu thuần	877,64	1048,34	801,14	868,97	1715,94
Doanh thu hoạt động tài chính	10	16,67	14,07	14,46	20,25
Doanh thu khác	2,54	0,73	0,43	1,19	1,17
TỔNG CHI PHÍ	**826,933**	**946,427**	**651,825**	**696,930**	**1214,03**
Giá vốn hàng bán	759,056	878,506	600,481	643,716	1158,49
Chi phí tài chính	48,284	44,996	33,417	30,780	21,35
Chi phí bán hàng	4,634	4,721	3,403	3,130	5,35
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,629	17,864	14,034	19,304	28,8
Chi phí khác	0,33	0,34	0,49	0,56	0,04
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	**63,246**	**119,322**	**163,81**	**187,64**	**523,3**
Lợi nhuận từ HĐKD	61,036	118,932	163,87	186,51	522,19
Lợi nhuận khác	2,21	0,39	-0,06	1,13	1,11
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	**63,237**	**119,317**	**163,809**	**187,64**	**523,12**

Chỉ tiêu	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
ROS	7,21	11,38	20,45	21,59	30,49
ROE	12,88	22,19	26,68	26,49	53,91
ROA	4,67	9,82	14,12	14,59	38,43
EPS (đồng/cổ phiếu)	6.458	12.185	16.729	19.163	53.423

Đơn vị: %

Nhìn vào các chỉ số tài chính trong niên vụ 2022 - 2023, Công ty không những duy trì được mức tốt mà còn có bước đột phá lớn do có mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đáng kể. Các chỉ số ROE, ROA, ROS của công ty đều đạt mức cao nhất trong 6 năm trở lại đây (vượt qua mức đỉnh năm 2017). Một số yếu tố tích cực đóng góp vào các chỉ số này có thể kể đến như lợi thế được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp do hoạt động trên địa bàn kinh tế khó khăn, ổn định giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu tăng chủ yếu do lợi nhuận.

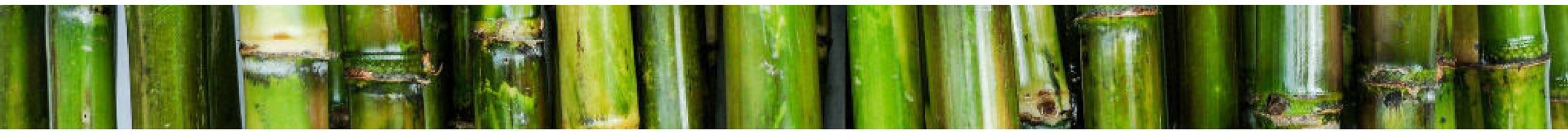

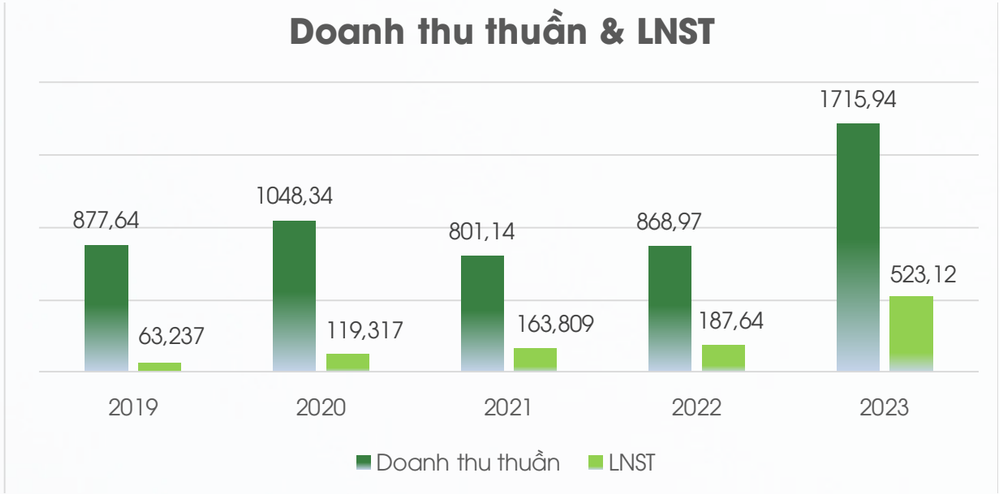

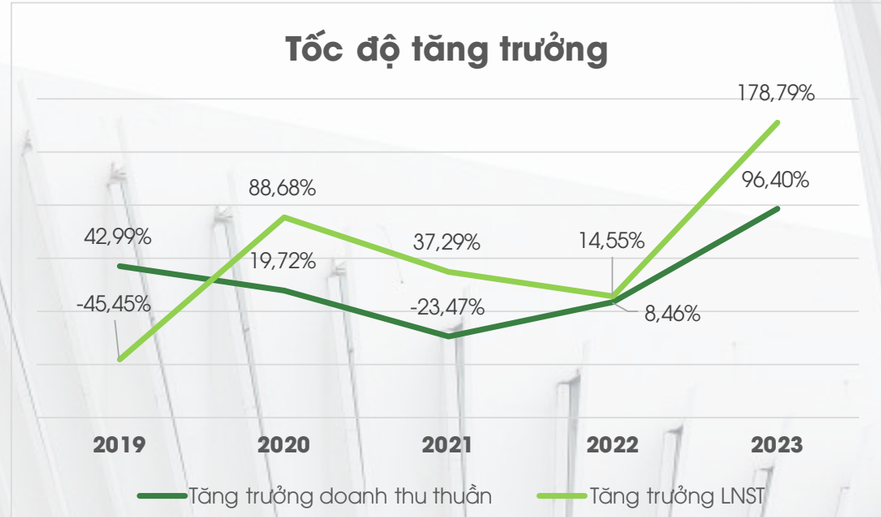

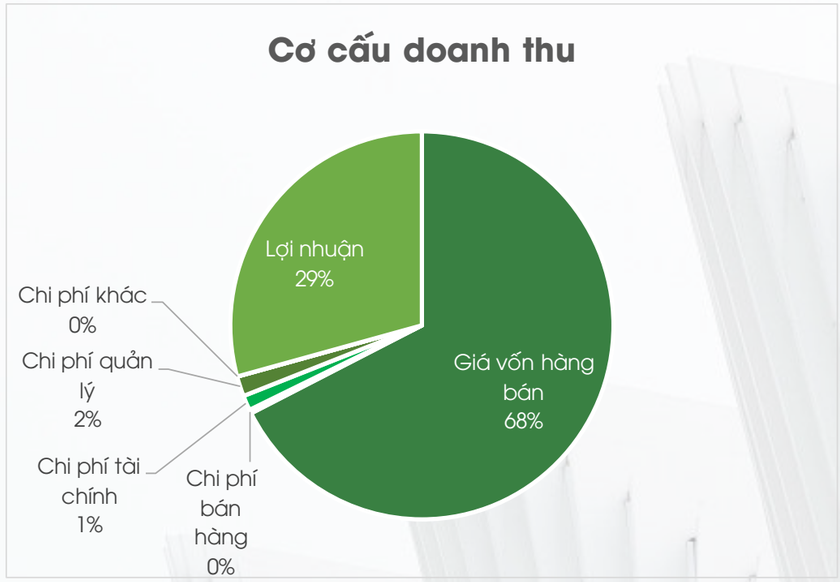

Tình hình tài chính

Tăng trưởng

Trước những khó khăn của thị trường đường trong nước do áp lực cạnh tranh cũng như các điều kiện không thuận lợi trên thế giới, tốc độ tăng trưởng của Công ty trong niên vụ 2022 - 2023 được cải thiện đáng kể do tăng doanh thu và lợi nhuận sau thuế. hìn chung xu hướng tăng trưởng ảnh hưởng rất nhiều vào biến động thị trường do đặc thù ngành mía đường trong nước.

Dòng tiền

Dòng tiền của Công ty trong niên vụ 2022 - 2023 được cải thiện đáng kể so với niên vụ trước và mang tính cân bằng dài hạn hơn. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh tăng rất mạnh đến từ doanh thu bán hàng tốt và giảm được lượng hàng tồn kho. Trong khi dòng tiền từ hoạt động đầu tư không có biến động quá lớn, dòng tiền từ hoạt động tài chính có thay đổi lớn khi Công ty tăng trả nợ gốc vay và giảm số tiền vay để cân bằng lại đòn bẩy tài chính. Hoạt động này đã được tài trợ từ nguồn tiền dồi dào nên vẫn đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhìn chung, niên vụ 2022 - 2023, dòng tiền của Công ty được cải thiện đáng kể do có sự tăng trưởng ở cả số lượng và chất lượng doanh thu. Trong giai đoạn tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục giữ vững quan điểm thận trọng trong việc cân đối và quản trị rủi ro dòng tiền để đảm bảo sức khỏe tài chính bền vững cho Công ty

Chỉ tiêu	2021 - 2022	2022 - 2023	Tăng, giảm
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**4.489.086.530**	**6.691.915.530**	**2.202.829.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong niên vụ	**2.202.829.000**	**127.535.252.389**	**125.332.423.389**
❖ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	(36.883.911.963)	768.877.910.302	805.761.822.265
❖ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(20.162.455.514)	(31.245.878.359)	(11.083.422.845)
❖ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	59.249.196.477	(610.096.779.554)	(669.345.976.031)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**6.691.915.530**	**134.227.167.919**	**127.535.252.389**

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Niên vụ 2022 - 2023, Công ty nâng cao các chỉ tiêu sinh lời. Chỉ tiêu về Biên lợi nhuận gộp, Biên lợi nhuận ròng, Tỉ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, Tỉ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu tăng mạnh nhất do lợi nhuận tăng mạnh và vốn chủ sở hữu không có biến động nào khác ngoài khoản lợi nhuận để lại.

Chỉ tiêu	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023
Biên lợi nhuận gộp	13,51%	16,2%	25,05%	25,92%	32,49%
Biên lợi nhuận ròng	7,21%	11,38%	20,45%	21,59%	30,49%
Tỉ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân	12,88%	22,19%	26,68%	26,49%	53,91%
Tỉ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân	4,67%	9,82%	14,12%	14,59%	38,44%

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty trong niên độ vừa qua cũng được cải thiện. Số vòng quay khoản phải thu tăng lên gấp đôi và kì thu tiền bình quân giảm mạnh. Việc nguồn cung đường giảm mạnh do các chính sách bảo hộ lương thực ở các quốc gia xuất khẩu đường đã khiến tình hình tiêu thụ và thu tiền được cải thiện đáng kể. Công ty cũng đẩy mạnh công tác tiêu thụ đường và cả kênh bán lẻ để gia tăng lượng hàng bán và áp dụng các chính sách thu tiền linh hoạt để công đối công nợ cũng như tạo điều kiện cho khách hàng.

Tương tự, số vòng quay hàng tồn kho cũng tăng lên đáng kể khi công ty tiêu thụ được lượng hàng tồn kho và hàng hóa sản xuất được tiêu thụ nhanh hơn trong niên vụ vừa qua. Công ty sẽ tiếp tục cải thiện chính sách sản xuất, tiêu thụ để duy trì được các chỉ số ở mức khả quan do những điều kiện thuận lợi của thị trường có thể không kéo dài.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số vòng quay phải thu khách hàng	Vòng	30.8	9.39	4.67	5.96	12.56
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	11.85	38.85	78.16	61.29	29.05
Số vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3.5	2.78	2.69	1.8	2.82
Số ngày tồn kho	Ngày	104.42	131.46	135.49	202.92	129.46

Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Ban lãnh đạo Công ty đánh giá các chỉ số thanh toán tăng lên đáng kể trong niên vụ vừa qua do giảm mạnh nợ vay trong khi tình hình tài sản ngắn hạn được giữ ổn định (lượng tiền mặt tăng lên tuy nhiên hàng tồn kho giảm). Lượng tiền mặt lớn từ kết quả hoạt động kinh doanh thuận lợi giúp cho ban lãnh đạo Công ty chủ động trong việc cân đối các nguồn lực và đã trả phần lớn các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn.

Chỉ tiêu	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Khả năng thanh toán hiện hành	1,07	1,21	1,30	1,37	4,98
Khả năng thanh toán nhanh	0,34	0,69	0,73	0,55	2,91
Khả năng thanh toán lãi vay	2,33	3,72	5,9	6,23	32,78

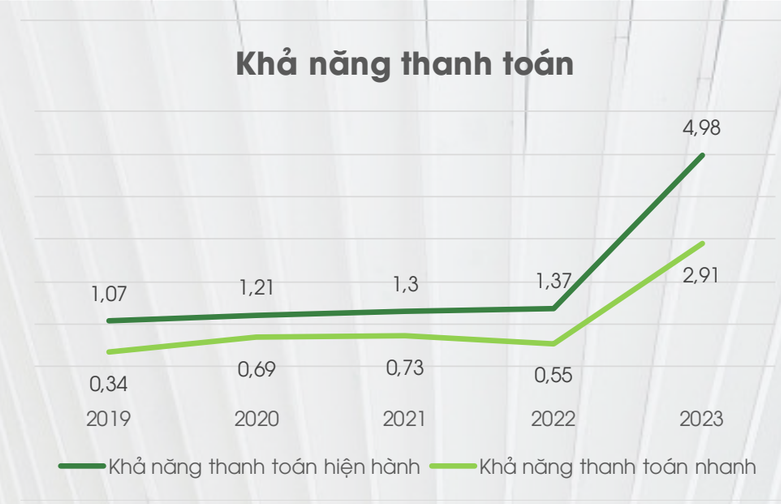

Cơ cấu tài sản

Chỉ tiêu	2021 - 2022	Tỉ trọng	2022 - 2023	Tỉ trọng	Thay đổi
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**779.346.292.945**	**56,49%**	**781.233.332.217**	**58,22%**	**0,24%**
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.691.915.531	0,49%	134.227.167.920	10,00%	1905,81%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	27.300.000.000	2,03%	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	304.156.045.415	22,05%	294.608.923.637	21,95%	-3,14%
Tài sản ngắn hạn khác	23.633.602	0,00%	-	0,00%	-100,00%
Hàng tồn kho	468.474.698.397	33,96%	325.097.240.660	24,23%	-30,61%
TÀI SẢN DÀI HẠN	**600.223.798.784**	**43,51%**	**560.720.310.008**	**41,78%**	**-6,58%**
Tài sản cố định	558.845.062.501	40,51%	543.982.519.606	40,54%	-2,66%
Tài sản dở dang dài hạn	29.778.736.283	2,16%	5.137.790.402	0,38%	-82,75%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.600.000.000	0,84%	11.600.000.000	0,86%	0,00%
Tài sản dài hạn khác	-	0,00%	-	0,00%	-
TỔNG TÀI SẢN	**1.379.570.091.729**	**100,00%**	**1.341.953.642.225**	**100,00%**	**-2,73%**

Tổng tài sản trong niên vụ 2022 - 2023 của Công ty đạt 1.341,95 tỷ đồng, giảm nhẹ 2,73% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty không thay đổi nhiều so với niên vụ trước.

Cấu thành nên tài sản ngắn hạn hiện tại bao gồm lần lượt là hàng tồn kho, các khoản phải thu ngắn hạn và tiền và các khoản tương đương tiền. Cơ cấu tài sản ngắn hạn trong niên vụ 2022 - 2023 đã có thay đổi lớn so với niên vụ trước do khoản mục tiền mặt tăng lên rất mạnh (đã được trình bày ở các chỉ tiêu tài chính trước). Hàng tồn kho niên vụ vừa qua đã giảm đi hơn 30% so khả năng tiêu thụ tăng cao do thiếu hụt nguồn cung đường trong nước. Việc sử dụng hiệu quả hàng tồn kho đóng góp lớn và kết quả tích cực và cải thiện các chỉ số tài chính của Công ty. Các khoản phải thu ngắn hạn giảm neh 3,14% và vẫn được giữ ổn định. Nhằm đảm bảo những rủi ro tài chính, Công ty đã đầu tư ngắn hạn hơn 27 tỷ đồng vào tiền gửi có kỳ hạn ở ngân hàng để tận dụng nguồn tiền trong giai đoạn thấp điểm. Nhìn chung, tình hình tải sản ngắn hạn có những biến động đáng kể và tích cực, dù thực tế chỉ tăng 0,24% so với niên vụ trước.

Tình hình tài sản dài hạn không có những biến động quá đáng kể trong niên vụ vừa qua (giảm 6,58%), phần lớn đến từ kết thúc khoản đầu tư dự án nâng công suất năm 2021. Các khoản mục khác giữ ổn định và không có thay đổi đáng kể.

Cơ cấu nguồn vốn

Chỉ tiêu	2021 - 2022	Tỉ trọng	2022 - 2023	Tỉ trọng	Thay đổi
NỢ PHẢI TRẢ	**619.492.409.198**	**44,90%**	**161.305.408.559**	**12,02%**	**-73,96%**
Nợ ngắn hạn	569.392.409.198	41,27%	156.805.408.559	11,68%	-72,46%
Nợ dài hạn	50.100.000.000	3,63%	4.500.000.000	0,34%	-91,02%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**760.077.682.531**	**55,10%**	**1.180.648.233.666**	**87,98%**	**55,33%**
Vốn chủ sở hữu	760.077.682.531	55,10%	1.180.648.233.666	87,98%	55,33%
TỔNG NGUỒN VỐN	**1.379.570.091.729**	**100,00%**	**1.341.953.642.225**	**100,00%**	**-2,73%**

Niên vụ 2022 - 2023, nguồn vốn chủ sở hữu của công ty giảm nhẹ 2,73% so với cùng kỳ năm trước nhưng cơ cấu nợ phải trả và vốn chủ sở hữu có những thay đổi lớn (D/E giảm từ 0,81 xuống 0,14)

Nguồn nợ phải trả giảm mạnh ở cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn do giảm nợ vay. Nguồn nợ vay được thanh toán mạnh nhờ có nguồn tiền dồi dào. Các khoản nợ phải trả khác tăng nhẹ trong kỳ.

Nguồn vốn chủ sở hữu tăng mạnh chủ yếu do nguồn lợi nhuận để lại tăng mạnh do tình hình kinh doanh khả quan tronh kỳ. Nhìn chung, tình hình nguồn vốn công ty được giữ ổn định và lạnh mạnh khi giảm tỷ lệ đòn bẩy tài chính do công ty có thu nhập tốt trong năm vừa qua. Đây cũng là tiền đề để đảm bảo nguồn vốn hoạt động sản xuất ngắn và dài hạn cho các niên vụ tiếp theo trong điều kiện thị trường kém khả quan hơn do nguồn cung bớt căng thẳng và tình hình đường nhập lậu có thể vẫn tiếp diễn.

Tổng tài sản qua các năm

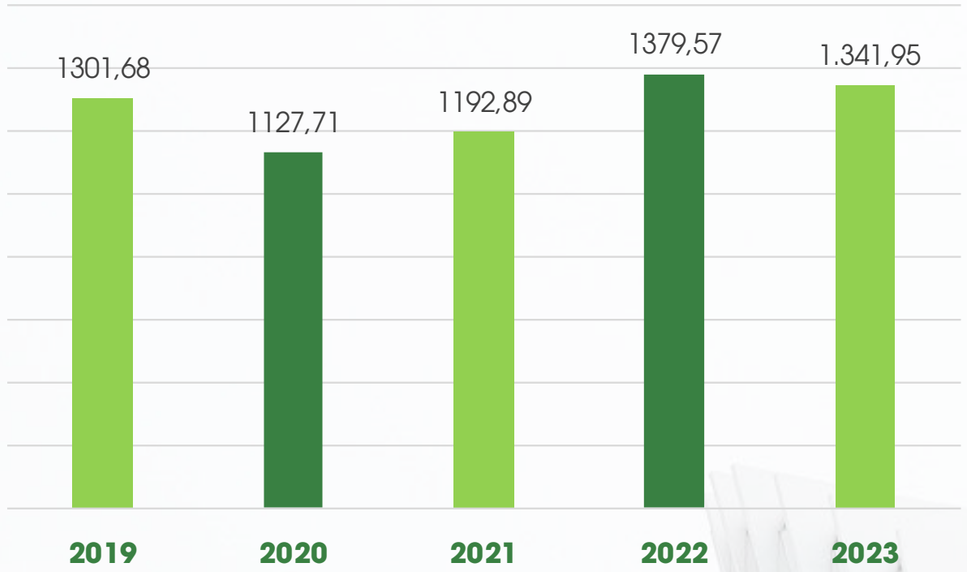

Đơn vị: Tỷ đồng

Cơ cấu tài sản qua các năm

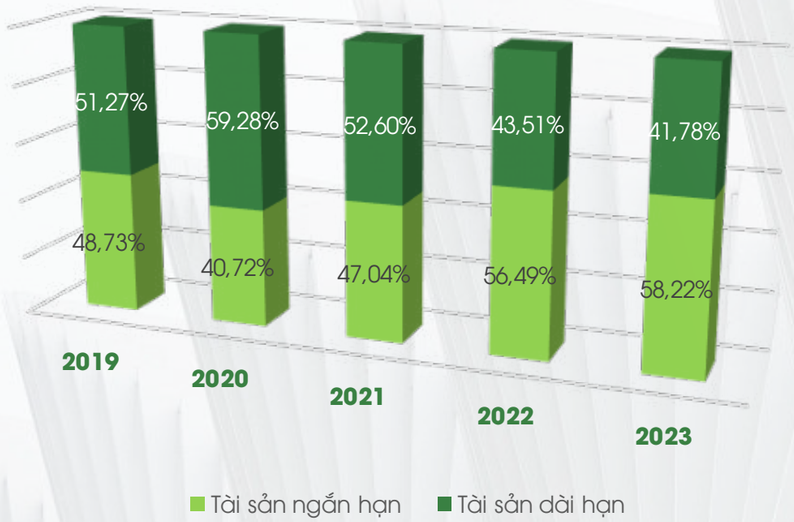

Vốn chủ sở hữu

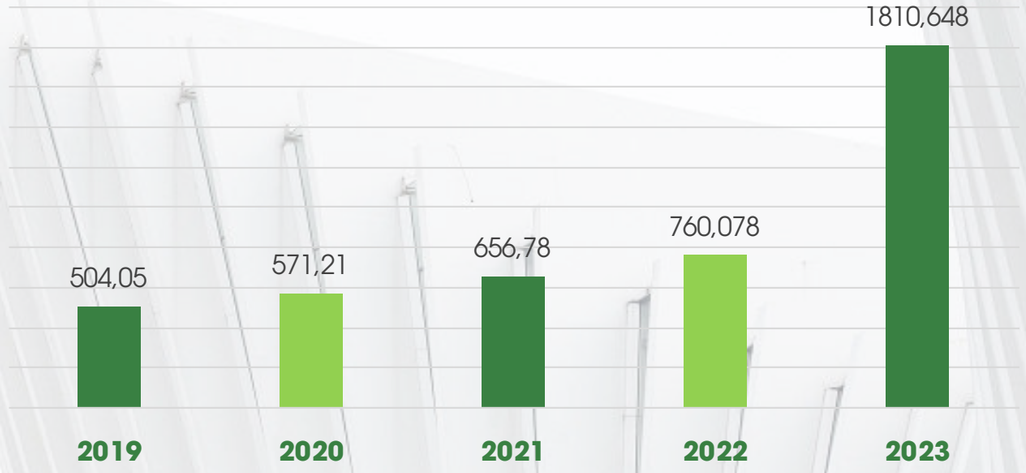

Đơn vị: Tỷ đồng

Cơ cấu nguồn vốn

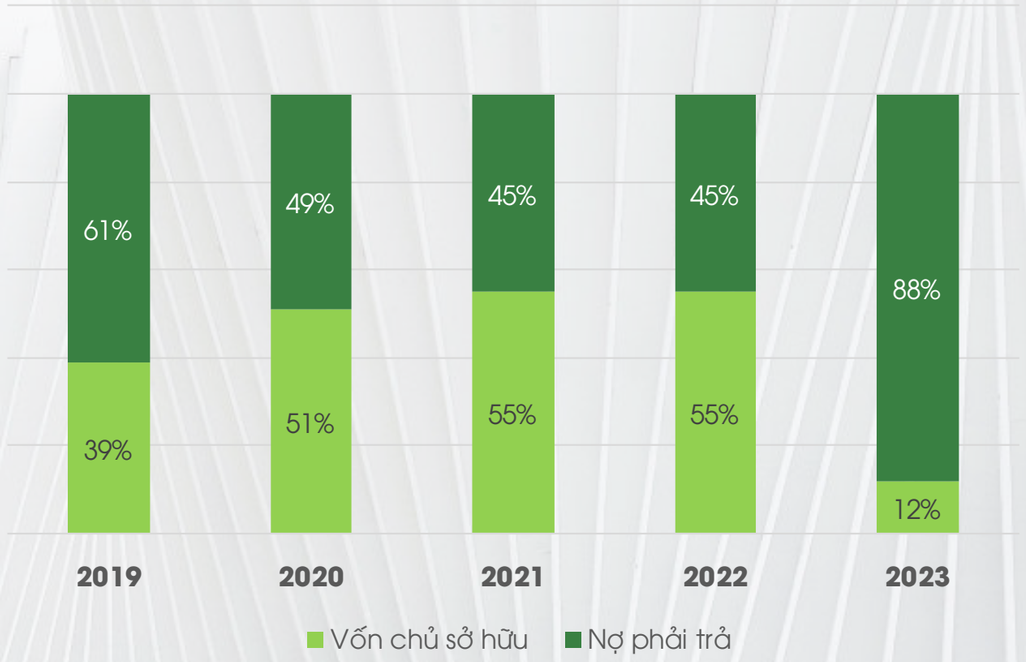

Phần IV: Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Kết quả sản xuất niên độ 2022 - 2023 66

Công tác lao động tiền lương 68

Kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2022 - 2023 69

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023 - 2024 70

Kết quả sản xuất niên độ 2022 - 2023

1. Công tác sản xuất mía nguyên liệu

Trong niên vụ 2021-2022, tổng quan về vùng nguyên liệu của Công ty thể hiện ở kết quả sau

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	% (TH/KH)
Diện tích trồng mía	Ha	9.200	9.699	105,4
Năng suất mía	Tấn/ha	67,3	68,05	101,1
Tổng sản lương mía	Tấn	620.000	660.021	106,4
- SL mía chế biến	Tấn	600.000	633.729	105,6
- SL mía để giống	Tấn	20.000	26.292	131,4
Tỷ lệ thu hồi vốn đầu tư	%	99,5	99,7	100,2

2. Đánh giá công tác sản xuất nguyên liệu

- Công ty luôn chú trọng đến công tác tuyên truyền vận động, lắng nghe nguyện vọng của người trồng mía nên được sự quan tâm, tin tưởng, hợp tác gắn bó của chính quyền địa phương các cấp và người trồng mía. Vụ 2022 - 2023, ngoài việc điều chỉnh tăng giá thu mua mía nguyên liệu, Công ty tiếp tục chi 25 tỷ đồng để hỗ trợ cho công tác phát triển diện tích. Chính sách đầu tư thu mua mía nguyên liệu phù hợp với điều kiện canh tác nhỏ lẻ, trên đất dốc của địa phương nên mặc dù việc trồng mía còn rất nhiều khó khăn nhưng vẫn được người trồng mía chấp nhận vì vậy diện tích vùng nguyên liệu tiếp tục được ổn định và đáp ứng đủ mía nguyên liệu phục vụ cho chế biến đường. Việc thu hoạch mía và điều động xe vận chuyển khá hợp lý, mía chặt đến đâu được vận chuyển đến đó, giảm thiểu tối đa tình trạng mía tồn trên đồng ruộng.

- Điều kiện thời tiết vụ 2022 - 2023 tương đối thuận lợi, giai đoạn mía mọc, đẻ nhánh có độ ẩm cao nên mật độ mía đảm bảo. Khi vào vụ chế biến thì chỉ gặp mưa 2 lần (nên công tác thu hoạch tương đối thuận lợi). Năng suất, sản lượng mía vụ 2022 - 2023 tăng cao hơn mức dự kiến ban đầu.

- Đội ngũ nhân viên địa bàn đa số tận tụy với công việc, thường xuyên bám sát đồng ruộng, quản lý và đôn đốc hướng dẫn nông dân thực hiện đúng, đủ quy trình chăm sóc, thu hoạch để cây mía đạt năng suất và chất lượng cao.

- Địa hình đồi dốc, manh mún, nên hạn chế trong việc áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến vào sản xuất. Diện tích mía dịch chuyển lên vùng cao, xa nhà máy, điều kiện để đầu tư, thâm canh của người trồng mía còn hạn chế, chi phí sản xuất mía cao hơn so với các địa phương khác... dẫn đến năng suất và thu nhập của người trồng mía không cao.

- Đa số đường nội đồng của vùng trồng mía có độ dốc cao, rủi ro lớn, di chuyển khó khăn. Việc tuân thủ nghiêm túc các quy định về vận chuyển hàng hóa theo Luật giao thông đường bộ... và các quy định mới làm chi phí vận chuyển tăng mạnh, trong vụ 2022 - 2023, Công ty đã chi 22,6 tỷ đồng để hỗ trợ lái xe vận chuyển mía do giảm trọng tải vận chuyển bình quân/chuyến.

- Trong vụ 2022 - 2023, việc mưa nhiều độ ẩm cao cũng gây khó khăn cho công tác bảo vệ thực vật trên cây mía, đã có gần 600 ha bị nhiễm bệnh khô (cháy) lá ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng mía nguyên liệu.

- Trong vụ, việc tư thương mua tranh mía đầu tư của Công ty để bán cho lò thủ công và các các Công ty khác diễn ra hết sức nặng nề.

- Về cuối vụ, một số địa bàn bị thiếu nhân công đốn chặt, giá thu hoạch tăng cao.

3. Công tác sản xuất nguyên liệu cho vụ chế biến 2023 - 2024

Biến đổi khí hậu ảnh hưởng nặng nề đến công tác sản xuất nguyên liệu. Thời tiết khô hạn, nắng nóng kéo dài (từ tháng 1 đến tháng 5/2023) làm mật độ, sức nảy mầm của mía lưu gốc trên diện tích 3.000 ha rất kém, nhiều diện tích phải phá bỏ khi chưa hết chu kỳ; tốc độ phát triển của diện tích trồng mới cũng giảm chỉ đạt kế hoạch 83,5 % so với kế hoạch (1.670/2.000 ha), có 660 ha đã trồng nhưng vì không đủ độ ẩm nên tỷ lệ mọc rất kém (đã hủy để trồng lại 610 ha và chuyển cây trồng khác 50 ha) dẫn đến diện tích mía còn lại đưa vào thu hoạch vụ 2023 - 2024 giảm 560 ha so với vụ 2022 - 2023. Ngoài diện tích thì năng suất mía cũng sẽ giảm rất sâu, dự kiến năng suất bình quân vụ 2023 - 2024 chỉ đạt 80 % so với vụ 2022 - 2023.

4. Công tác sản xuất chế biến

Vụ 2022 - 2023, Công ty tập trung quyết liệt công tác điều hành sản xuất để đảm bảo hoàn thành kế hoạch, trọng tâm là công tác sửa chữa bảo dưỡng trước vụ sản xuất và công tác điều hành sản xuất trong vụ ép bằng các hình thức: Tăng cường kiểm soát, cải tiến công tác quản lý điều hành, hạn chế tổn thất nguyên, nhiên liệu... từ đồng ruộng đến nhà máy chế biến. Thực hiện triệt để tiết kiệm, giảm giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Trong thời gian bảo dưỡng sửa chữa lớn thiết bị năm 2022, Công ty đã đầu tư bổ sung một số hạng mục thiết bị phục vụ chương trình tiết kiệm hơi trong sản xuất chế biến đường giai đoạn 1, hệ thống lọc tro lò bằng băng tải chân không… và một số thiết bị phụ trợ để duy trì công suất ép, hiệu suất tổng thu hồi của nhà máy và đảm bảo thu hoạch 100% diện tích mía nguyên liệu trong khung thời vụ.

Công suất ép bình quân thực tế cả vụ đạt 4.730 TMN so với chỉ tiêu được giao là 4.700 TMN. Tuy vậy, công suất ép thực tế giai đoạn đầu vụ không đạt kế hoạch do việc thu hoạch và vận chuyển mía cây về nhà máy thời gian đầu gặp nhiều khó khăn, trọng lượng mía/chuyến ít hơn năm trước.

Chất lượng đường vụ 2022 - 2023 có độ màu trung bình cao hơn niên vụ 2021-2022, do: Tỉ lệ mía chín sớm ROC 22 còn lại quá ít, mía R579 chiếm tỷ lệ cao nên đầu vụ chưa đủ độ chín. Trong vụ vẫn còn một phần nguyên liệu mía không đạt chất lượng (bị băm vụn, có ngọn non, mía cháy…) ảnh hưởng đến khâu chế biến đường, nước mía sinh keo nhớt, độ màu cao và gia tăng lượng hóa chất xử lý.

Tỷ lệ thu hồi đường cao hơn so với niên vụ trước, để có được kết quả này là nhờ sự quan tâm đầu tư nâng cấp nhà máy chế biến đường đúng hướng và đúng thời điểm của Cổ đông, Hội đồng quản trị trong những năm qua. Bên cạnh đó, Công ty đã vừa học vừa làm để đào tạo được được đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật khá lành nghề, tâm huyết với công việc, đảm bảo an toàn thiết bị, an toàn lao động và chất lượng sản phẩm đường.

Ngoài sản phẩm chính, việc sản xuất phân vi sinh và bùn rắc men cung cấp cho nông dân cải tạo đất trồng mía cũng được quan tâm đúng mực. Niên vụ 2022 - 2023, Công ty sản xuất 4.605 tấn phân vi sinh để cấp cho nhu cầu của các hộ dân trong vùng nguyên liệu mía, lượng phân bùn rắc men và các phụ phẩm khác trong vụ vừa qua cũng được tiêu thụ kịp thời nên không bị tồn tại kho, bãi, đảm bảo cho công tác môi trường.

Công tác lao động tiền lương và chăm lo đời sông cho người lao động

Niên độ 2022 - 2023 các chế độ chính sách như: tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, các chế độ phúc lợi - xã hội, tiền bảo hiểm được Công ty thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và chi trả kịp thời đúng quy định, cụ thể:

1. Công tác lao động

Niên độ 2022-2023, nhân sự trong Công ty ổn định, tổng số lao động định biên của toàn Công ty: 420 người; Toàn bộ số lao động đã được ký HĐ lao động đầy đủ theo quy định của pháp luật, chất lượng lao động cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công việc, ý thức trách nhiệm của người lao động được nâng cao, góp phần đáng kể trong việc giảm chi phí giá thành sản phẩm.

2. Công tác tiền lương

Công ty luôn xác định thu nhập của người lao động là yếu tố quan trọng hàng đầu để người lao động yên tâm gắn bó, nâng cao năng lực- trình độ sản xuất và đóng góp với Công ty. Trong niên độ 2022 - 2023 tiền lương B/q của người lao động là 8.200.000 đồng/ tháng (tăng 400.000đ/người/tháng so với niên độ 2021 - 2022) và được Công ty chi trả đầy đủ, kịp thời theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Trong vụ Công ty đã chi bổ sung 2 tháng tiền lương (lương tháng thứ 13 và 14) để động viên kịp thời tập thể người lao động đã đóng góp vào việc hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Công tác chăm lo đời sống cho người lao động

Công ty luôn quan tâm chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động như: Tặng quà vào các dịp lễ 30/4; 02/9; Tết Nguyên đán; Ngày bước vào vụ...và mua thẻ bảo hiểm con người tặng cho người lao động với kinh phí trong năm 2022 - 2023 là 1,98 tỷ đồng. Vừa qua, Công ty đã trích kinh phí vào Quỹ tham quan du lịch, nghỉ dưỡng của người lao động với tổng số tiền 1,5 tỷ đồng. Công đoàn Công ty cũng luôn quan tâm, động viên người lao động như: Thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỷ và tặng quà động viên Người lao động nhân dịp đón xuân đầu năm, Quốc tế phụ nữ, khen thưởng khuyến học ...tổng kinh phí chi trong năm là 445 triệu đồng.

4. Công tác khác

Các chế độ chính sách của người lao động như tiền thưởng, ăn ca, tiền bảo hiểm được Công ty thực hiện đúng theo Thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động và quy định của pháp luật hiện hành.

Kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2022 - 2023

Chỉ tiêu	Đvt	TH niên độ 2021 - 2022	Niên độ 2022 - 2023		
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
Tổng doanh thu thuần	Tr.đ	885.065	1.110,731	1.715,94	154,5
Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đồng	187.639	75.300	523.321,6	695
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	187.639	75.300	523.115,2	694,7
Lãi cơ bản/cổ phiếu	Đồng/CP	19.162	7.690	53.423	694,7

Niên độ 2022- 2023, mặc dù dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát nhưng hậu quả vẫn còn hết sức nặng nề. Cuộc chiến Nga - Ucraina leo thang căng thẳng, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, chi phí vận chuyển mía tăng do ảnh hưởng của chính sách kiểm soát quá tải, quá khổ...các yếu tố này làm tăng giá thành sản phẩm của Công ty. Tuy nhiên do sản lượng nguồn cung đường thế giới sụt giảm, giá bán đường thế giới và trong nước đều tăng, công tác tiêu thụ khá thuận lợi, sản lượng đường tiêu thụ tăng lên, cùng với chính sách quản trị, điều hành linh hoạt, kịp thời của HĐQT, Ban điều hành và sự đồng thuận của toàn thể người lao động dẫn đến lợi nhuận được nâng lên, Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận sau thuế TNDN được thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2022 là 594,7%.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2023 - 2024

Tổng doanh thu thuần: **1.045.500 triệu đồng**

Lợi nhuận trước thuế TNDN: **136.900 triệu đồng**

Lợi nhuận sau thuế TNDN: **136.900 triệu đồng**

Trong các năm 2021, 2022 Bộ Công Thương đã ban hành các Quyết định áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp, chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu. Các chính sách này mang đến những tín hiệu tích cực cho ngành Mía đường Việt Nam, làm giảm tác động cạnh tranh không lành mạnh của đường Thái Lan đối với ngành sản xuất trong nước. Thành quả đạt được trong năm vừa qua đã chứng minh các chủ trương của Cổ đông, các quyết sách của Hội đồng quản trị để có vùng nguyên liệu cung cấp đủ nguyên liệu; dây chuyền ổn định ở công suất cao là đúng hướng, đúng thời điểm.

Tuy nhiên bước sang năm 2023 ngành mía đường tiếp tục gặp nhiều khó khăn, đó là: Biến đổi khí hậu, hiện tượng El Nino diễn ra cực kỳ nghiêm trọng; tình trạng khô hạn, nắng nóng của Sơn La và các tỉnh Tây Bắc cực kỳ gay gắt (lần đầu tiên sau 13 năm đi vào hoạt động nhà máy Thủy điện Sơn La phải vận hành dưới mực nước chết), điều này ảnh hưởng rất nặng nề đến vùng nguyên liệu mía. Nhiều diện tích bị chết hoặc ảnh hưởng do khô hạn nên nguy cơ năng suất, sản lượng vụ tới giảm rất sâu đã cận kề. Giá cả vật tư nông nghiệp vẫn ở mức cao làm giảm thu nhập của người trồng mía, vùng nguyên liệu của Công ty ngày càng bị cạnh tranh khốc liệt với các loại cây trồng khác...

Với những khó khăn trên, Ban Điều hành công ty luôn tin tưởng vào kế hoạch, định hướng của Cổ đông và Hội đồng quản trị. Ban điều hành Công ty hứa sẽ nỗ lực cố gắng để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ: Góp phần phát triển kinh tế địa phương; Bảo vệ môi trường; Hỗ trợ phát triển cộng đồng; đảm bảo chất lượng sản phẩm; Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người trồng mía và Công ty để ổn định nguồn mía nguyên liệu đáp ứng được công suất dây chuyền chế biến của Nhà máy, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương và CBCNLĐ trong công ty, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông. ***Cụ thể là:***

- Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, mở rộng thị trường tiêu thụ, duy trì mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty.
- Tiếp tục phát huy tối đa kinh nghiệm và tập trung nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển lĩnh vực kinh doanh chế biến đường. Phát triển vùng nguyên liệu đáp ứng công suất ép thường xuyên của Nhà máy.
- Chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quan tâm và đầu tư thích đáng cho công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, trồng cây xanh, vệ sinh công nghiệp và chung tay bảo vệ môi trường.
- Tham gia tích cực với các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn, thực hiện có hiệu quả các chương trình an sinh xã hội và khẳng định được vị thế của cây mía là cây xóa đói giảm nghèo bền vững, góp phần trong chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương trong vùng nguyên liệu mía.

Phần V: Báo cáo của Hội đồng quản trị

Phần I: Kết quả niên độ 2022 - 2023

I. Nhân sự của HĐQT niên độ 2022 - 2023 và nhiệm kỳ 2018 - 2023 74

II. Kết quả thực hiện niên độ 2022 - 2023 74

III. Kế hoạch nhiệm vụ niên độ 2023 - 2024 77

Phần I: Kết quả niên độ 2022 - 2023

I. Tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2018 - 2023 77

II. Định hướng chiến lược giai đoạn 2023 - 2028 79

Phần I: Kết quả thực hiện nhiệm vụ niên độ 2022 - 2023

I. NHÂN SỰ CỦA HĐQT NIÊN ĐỘ 2022 - 2023 VÀ NHIỆM KỲ 2018 - 2023

Nhân sự của HĐQ nhiệm kỳ 2018 - 2023 được bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	25/09/2018
2	Trần Ngọc Hiếu	Phó chủ tịch thường trực HĐQT	25/09/2018
3	Trần Thị Nhi	Thành viên HĐQT	25/09/2018
4	Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT	25/09/2018
5	Nguyễn Trường Trinh	Thành viên HĐQT	25/09/2018

Nhân sự HĐQT ổn định trong suốt nhiệm kỳ 2018 - 2023 cho đến thời điểm này.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NIÊN ĐỘ 2022 - 2023

1. Tình hình hoạt động của HĐQT

Niên độ 2022 - 2023 được xem là thời gian khó khăn và thách thức đối với kinh tế thế giới và Việt Nam khi phải đối mặt với nhiều biến động khó lường. Chiến tranh Nga - Ucraina làm gián đoạn hoạt động giao thương của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Giá cả nhiều loại hàng hóa tăng vọt, nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới phải chịu mức lạm phát cao.

Thời tiết cực đoan đang trở thành một thách thức đáng lo ngại, biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng nhiều vùng trồng mía nguyên liệu đặc biệt là các quốc gia sản xuất đường lớn như Thái Lan, Ấn Độ, Brazil …, dẫn đến nguồn cung đường suy giảm, giá đường thế giới và trong nước tăng cao.

Nhận thức rõ thách thức và cơ hội, Hội đồng quản trị đã có kế hoạch, xác định nhiệm vụ cụ thể trước mắt và dài hạn của Công ty, đó là:

Về Nông nghiệp: Xây dựng các chương trình nâng cao năng suất, chất lượng nguyên liệu mía bằng áp dụng kỹ thuật chăm sóc, phân bón; Hỗ trợ để người trồng mía tiếp tục cơ giới hóa công tác làm đất trên địa hình đồi dốc; Ban hành các chính sách đầu tư, thu mua phù hợp để tăng diện tích vùng nguyên liệu.

Về Công nghiệp chế biến: Đầu tư thêm thiết bị nhằm ổn định công suất chế biến, tiết kiệm nhiên liệu, tăng hiệu quả thu hồi mía/đường; nâng cao chất lượng đường thành phẩm; đầu tư cải tạo hệ thống xử lý chất thải đảm bảo an toàn cho môi trường.

Dự báo được tình hình thực tế, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 Hội đồng quản trị đã đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của niên độ 2022 - 2023 và được Đại hội thông qua phù hợp với thực tế, định hướng tốt cho Ban điều hành Công ty trong việc triển khai thực hiện

***

Hội đồng quản trị luôn hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật; Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty và Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông.

Niên độ 2022 - 2023 Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công kỳ họp Đại hội ĐCĐTN năm 2022; tổ chức 08 kỳ họp trực tiếp và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, ban hành sáu hai (62) Nghị quyết, bảy tư (74) Quyết định. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo các vấn đề chính như: Chiến lược phát triển Công ty, chính sách đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu, công tác huy động vốn, chính sách bán hàng, tiếp tục chỉ đạo kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành phù hợp với quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã điều hành hoạt động của Hội đồng Quản trị theo đúng thẩm quyền. Các quyết nghị thông qua tại các phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên Hội đồng quản trị.

Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia mở rộng của Ban điều hành, Ban Kiểm soát. Các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực quản lý, giám sát công ty; đưa ra giải pháp chỉ đạo kịp thời theo từng lĩnh vực được phân công nhằm mục tiêu tăng cường công tác quản trị Công ty.

Trong vai trò quản trị, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên và sát cánh cùng Ban điều hành để kịp thời đưa ra các quyết sách đảm bảo đúng định hướng "Tăng trưởng bền vững - hiệu quả hợp lý" của Công ty.

Căn cứ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Hội đồng quản trị tự đánh giá, niên độ 2022 - 2023 tập thể Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong niên độ 2022 - 2023

a. Kết quả sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Hội đồng quản trị thường xuyên triển khai nội dung chương trình cụ thể đến Ban điều hành (bằng các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị); Ban điều hành đã triển khai kịp thời và đem lại hiệu quả đáng khích lệ. Cụ thể là:

- Công tác nguyên liệu mía: Với việc ban hành các chính sách đầu tư, hỗ trợ, phát triển vùng nguyên liệu phù hợp, với sự tích cực của Ban điều hành nên sản lượng mía thu mua đáp ứng được công suất chế biến của dây chuyền.

- Công tác sản xuất chế biến: Thực hiện bảo dưỡng sửa chữa định kỳ máy móc thiết bị đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật nên dây

chuyền chế biến đường hoạt động ổn định, chất lượng đường đáp ứng yêu cầu của thị trường; công tác bảo vệ môi trường được đảm bảo.

- Công tác tổ chức: Bổ nhiệm, miễn nhiệm và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật, tinh gọn bộ máy quản lý, sắp xếp định biên lao động cơ bản phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của công ty;

- Công tác mua sắm vật tư: Được cân nhắc và khảo sát kỹ thị trường trước khi mua nên chất lượng vật tư đảm bảo, giá cả phù hợp.

b. Một số công tác khác

Song song với mục tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tốt các nội dung công việc theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với công ty niêm yết.

Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ, tăng năng suất lao động, chống lãng phí, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách lao động theo luật định. Duy trì trật tự kỷ cương, đoàn kết nội bộ trong công ty.

Thực hiện tốt các quy định về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, giải quyết đầy đủ chế độ cho người lao động theo luật định, tích cực thực hiện Bảo vệ môi trường.

- Công tác Quản lý tài chính: Tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, nguồn vốn được bảo toàn. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát, các thông tin, báo cáo về Tài chính được thực hiện kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

Đánh giá tổng quan niên độ 2022 - 2023, Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông năm 2022 giao, thị phần giữ được mức ổn định, đây là kết quả rất đáng phấn khởi trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều khó khăn.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác

Niên độ 2022 - 2023 Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận 594,7% và đây cũng là mức lợi nhuận cao nhất trong 05 năm gần đây.

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh. Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển đã được Đại hội Đồng cổ đông thông qua. Các chủ trương, chỉ đạo của HĐQT trong tất cả các lĩnh vực đã được Ban Tổng giám đốc triển khai đầy đủ, kịp thời với tinh thần trách nhiệm cao giúp cho Công ty hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu SXKD.

Căn cứ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Hội đồng quản trị đánh giá, niên độ 2022 - 2023 ban Tổng giám đốc và người điều hành khác đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Với kết quả đạt được, hình ảnh của Công ty tiếp tục được giữ vững, uy tín của Công ty với khách hàng, đối tác và đặc biệt với các cổ đông ngày càng được nâng cao.

4. Những hạn chế tồn tại

Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh của niên độ 2022 - 2023 là khả quan so với tình hình chung của ngành mía đường trong nước, tuy nhiên Hội đồng quản trị nhận thấy và tự đánh giá vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Tính ổn định của vùng mía nguyên liệu vẫn chưa được đảm bảo, cạnh tranh giữa các loại cây trồng vẫn diễn ra gay gắt, bộ giống mía đơn điệu tiềm ẩn rủi ro cao; thu nhập từ cây mía chưa thực sự hấp dẫn đối với bà con nông dân; diện tích vùng nguyên liệu ở địa bàn gần, đất bằng ngày càng bị thu hẹp dẫn đến giá thành mía nguyên liệu ngày càng tăng, cơ cấu giống mía chưa hợp lý.
- Bộ máy nhân sự tuy đã được củng cố nhưng chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, lao động chưa đáp ứng được yêu cầu vẫn còn khá lớn.

III. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NIÊN ĐỘ 2023 - 2024

Dự báo vụ 2023 - 2024 ngành mía đường vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Xung đột thế giới căng thẳng dẫn đến nhiều hệ lụy ảnh hưởng đến nền kinh tế. Thời tiết diễn biến hết sức phức tạp, ở địa bàn Sơn La khô hạn, nắng nóng kéo dài làm giảm sản lượng mía đưa vào chế biến.

Để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định từng bước vượt qua khó khăn thách thức. Hội đồng Quản trị đề ra phương hướng hoạt động SXKD niên độ 2023 - 2024, với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Tổng doanh thu thuần: **1.045.500** triệu đồng

Lợi nhuận trước thuế TNDN: **136.900** triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN: **136.900** triệu đồng

Chia cổ tức bằng tiền: **50%**/vốn ĐL

- Về Nông nghiệp: Tiếp tục đầu tư để phát triển vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty và người trồng mía, áp dụng các biện pháp trồng, thâm canh tiên tiến và các loại giống mới để nâng cao năng suất, chất lượng mía. Xây dựng mối quan hệ gắn kết, bám sát và lồng ghép các chỉ tiêu kế hoạch của địa phương để phát triển vùng nguyên liệu mía đảm bảo cho công suất ép thường xuyên của nhà máy.

- Về Chế biến: Chú trọng công tác bảo dưỡng sửa chữa dây chuyền sản xuất để ổn định công suất chế biến, đáp ứng kịp mùa vụ thu hoạch và nâng cao chất lượng đường thành phẩm. Tiếp tục xem xét đầu tư các thiết bị mang tính đổi mới công nghệ.

- Về Tài chính: Đẩy mạnh công tác tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn, quản lý chặt chẽ để giảm chi phí sản xuất kinh doanh, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, nâng cao năng lực Tài chính.

- Về nhân sự: Xây dựng đội ngũ lãnh đạo điều hành đủ phẩm chất, năng lực và uy tín. Đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động; xây dựng môi trường làm việc thân thiện; tuân thủ bộ Luật lao động, chi trả thu nhập tương xứng với năng lực; Quan tâm kịp thời đến các chế độ phúc lợi của Người lao động.

- Về hiệu quả: Đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty trên cơ sở mọi hoạt động phải tuân thủ Pháp luật; Bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa Công ty và các đối tác; Không ngừng nâng cao uy tín thương hiệu "Mía đường Sơn La"; Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

Phần II: Tổng kết hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023; Định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2023 - 2028

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2018 - 2023

1. Tình hình chung

Nhiệm kỳ 2018 - 2023 là thời kỳ hết sức khó khăn đối với ngành Mía đường trong nước nói chung và CTCP Mía đường Sơn La nói riêng. Việc thực thi Hiệp định ATIGA đối với ngành mía đường mặc dù sau đó được gia hạn nhưng với sự cạnh tranh không lành mạnh của đường nhập khẩu từ Thái Lan đã làm cho giá đường trong nước nhiều thời gian về dưới giá thành, nhiều nhà máy đường trong nước buộc phải đóng cửa. Đại dịch covid -19 hoành hành, chiến tranh Nga - Ucraina căng thẳng làm đứt gãy chuỗi cung ứng, giá cả vật tư đầu vào tăng cao… ảnh hưởng bất lợi đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhưng với tinh thần trách nhiệm cao, HĐQT đã xác định rõ thách thức và cơ hội, luôn đề cao tinh thần đoàn kết, thống nhất ý chí trong tập thể vì vậy nhiệm kỳ vừa qua HĐQT đã lãnh đạo Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao, đáp ứng được sự tin tưởng, kỳ vọng của cổ đông và từng bước xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

2. Về công tác tổ chức, quản trị công ty

Hội đồng quản trị luôn hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông, không ngừng hoàn thiện hoạt động quản trị công ty theo mô hình quản trị tiên tiến, minh bạch công khai, tuân thủ quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất, bám sát tình hình thực tế của Công ty từ đó kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định để Ban điều hành triển khai thực hiện.

Hội đồng quản trị kịp thời trình ĐHCĐ thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phù hợp với chuyên môn, sở trường, năng lực công tác của từng thành viên để hoạt động của HĐQT đạt hiệu quả cao nhất.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2018 - 2023

Nhiệm kỳ 2018 - 2023 mặc dù còn rất nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, sự quan tâm giúp đỡ và hợp tác chặt chẽ của cổ đông lớn và khách hàng truyền thống; sự điều hành năng động của Ban Tổng giám đốc, sự ủng hộ hợp tác của các địa phương vùng nguyên liệu và sự đoàn kết gắn bó, tinh thần trách nhiệm của tập thể cán bộ, công nhân lao động trong Công ty nên kết quả sản xuất kinh doanh của các năm trong nhiệm kỳ đều vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao. Quyền lợi của cổ đông được đảm bảo, thu nhập của Người lao động ổn định; các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ kịp thời theo quy định hiện hành của nhà nước.

Một số chỉ tiêu chủ yếu về kết quả sản xuất kinh doanh trong nhiệm kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	Niên vụ 18 - 19	Niên vụ 19 - 20	Niên vụ 20 - 21	Niên vụ 21 - 22	Niên vụ 22 - 23	Nhiệm kỳ 18 - 23
Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	877,64	1.048,34	801,14	868,97	1.715,94	5.312,03
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	63,24	119,32	163,81	187,64	523,11	1.057,12
Tỷ lệ chia cổ tức	%	50	70	80	100	Chờ ĐH phê duyệt	
Nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6 hàng năm	Tỷ đồng	504,05	571,2	656,78	760,1	1.180,65	

4. Công tác thực hiện dự án đầu tư trong nhiệm kỳ 2018 - 2023

Trong nhiệm kỳ, HĐQT chỉ đạo Ban điều hành hoàn thiện và quyết toán `Dự án nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 5.000 TMN - Giai đoạn (2017 - 2018). Dự án đã được kiểm toán và quyết toán theo Quyết định số 07/QĐ-HĐQT/2020 ngày 16 tháng 03 năm 2020 của Hội đồng quản trị, cụ thể là:

- Tổng kinh phí đầu tư Dự án hoàn thành: **291.699.391.195 đ.**
- Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: **291.699.391.195 đ.** Trong đó:

+ Tài sản dài hạn: ***288.343.224.217 đ.***

+ Tài sản ngắn hạn: ***3.356.166.978 đ.***

Ngoài ra trong nhiệm kỳ Công ty còn thực hiện đầu tư một số hạng mục để nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm điện, hơi, nâng cao hiệu suất thu hồi của dây chuyền sản xuất.

Tất cả thiết bị đầu tư trong giai đoạn này là những thiết bị có công nghệ hiện đại, tiên tiến, tự động hóa cao và phần lớn được nhập khẩu trực tiếp từ các nước có nền công nghiệp mía đường phát triển. Với việc đầu tư đúng hướng về thiết bị và công nghệ nên các chỉ tiêu kỹ thuật sản xuất như: Công suất ép, hiệu suất ép, hiệu suất tổng thu hồi và chất lượng đường thành phẩm được nâng lên rõ rệt. Việc tiêu hao nhiên liệu, điện năng, vật tư hóa chất giảm nhiều. Đánh giá kết quả đầu tư trong nhiệm kỳ cho thấy các chỉ tiêu của sản xuất đã đạt được và vượt theo thiết kế. Song song với việc đầu tư thiết bị, công nghệ mới, để đảm bảo sản xuất liên tục Công ty đã đầu tư bổ sung và dần hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải đảm bảo an toàn môi trường.

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2023 - 2028

1. Tầm nhìn

Dự báo thị trường Đường thế giới và khu vực những năm tới còn nhiều diễn biến khó lường. Nhưng với nền tảng cơ sở của Công ty đã đầu tư trong những năm qua, kinh nghiệm quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và ban Điều hành; trình độ chuyên môn-ý thức trách nhiệm của Người lao động; sự hợp tác tin tưởng của chính quyền và người trồng mía; sự ủng hộ to lớn của Cổ đông và khách hàng truyền thống. Nhiệm kỳ tới Công ty sẽ trở thành Công ty sản xuất Công- Nông nghiệp tiên tiến, thân thiện môi trường, vùng nguyên liệu ổn định...vị thế của Công ty ngày càng được nâng cao.

2. Mục tiêu

- Bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông.
- Tiết kiệm tối đa chi phí để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư tập trung để nâng cao hiệu quả đồng vốn và nâng tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
- Nâng cao chất lượng nguồn lực lao động sản xuất.
- Quan tâm đến công tác an sinh xã hội, bảo vệ uy tín thương hiệu Công ty

3. Giải pháp

- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự, tăng cường công tác đào tạo và nâng cao nghiệp vụ cho người lao động;
- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty và người trồng mía.
- Bảo dưỡng tốt thiết bị máy móc nhằm đảm bảo ổn định công suất và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Phát triển kênh phân phối nhằm duy trì, giữ vững và gia tăng thị phần tiêu thụ sản phẩm.
- Không ngừng nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành.
- Triển khai các giải pháp công nghệ thông tin, phương thức quản lý hiện đại nhằm tối ưu hóa nguồn lực Công ty.

"Nhiệm kỳ 2018 - 2023 của HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đã khép lại, tập thể HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023 đã tập trung trí tuệ cùng nhau đoàn kết, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ, thực hiện vượt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch được ĐHĐCĐ đề ra. HĐQT trân trọng cảm ơn sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể người lao động Công ty; hoạt động giám sát có hiệu quả của Ban Kiểm soát; sự giám sát và phối hợp của các cổ đông đã góp phần cho việc hoàn thành nhiệm vụ của HĐQT.

Trong nhiệm kỳ IV, giai đoạn 2023 - 2028 tiếp theo, để vượt qua thách thức, hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh và tiếp tục đưa Công ty cổ phần Mía đường Sơn La phát triển bền vững; Hội đồng quản trị rất mong nhận được sự ủng hộ và gắn bó lâu dài của Quý Cổ đông, các đối tác khách hàng, lãnh đạo các địa phương vùng nguyên liệu, người trồng mía cùng toàn thể người lao động trong Công ty"

Phần VI: Báo cáo Phát triển bền vững

Mô hình phát triển bền vững 84

Định hướng phát triển bền vững 85

Các hoạt động phát triển bền vững 86

Mô hình phát triển bền vững

Với tư cách là một doanh nghiệp sản xuất đường - ngành sản xuất thực phẩm quan trọng của đất nước, Công ty cổ phần Mía đường Sơn La ý thức rất rõ vai trò của phát triển bền vững đối với hoạt động và sự phát triển của mình. Định hướng phát triển bền vững sẽ là bước đi đúng đắn và duy nhất đối với Công ty để đạt được các mục tiêu và tăng trưởng bền vững trong dài hạn. Công ty luôn muốn gắn lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của không chỉ các cổ đông, mà còn là lợi ích của địa phương, của quốc gia, lợi ích môi trường và xã hội, lợi ích của từng người dân trên địa bàn hoạt động và lợi ích của chính các khách hàng, đối tác của Công ty. Trên cơ sở đó, các kế hoạch hành động của Công ty được đặt ra dựa trên nền tảng sự chia sẻ chủ động và tích cực từ các bên liên quan nhằm nhanh chóng phát hiện những vấn đề cần thay đổi và phát triển để hoàn thiện hơn các chính sách của Công ty hiện nay.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Định hướng chiến lược phát triển bền vững chung cho toàn bộ Công ty
Các chương trình hành động chung

↓

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Định hướng, chỉ đạo chung về Phát triển bền vững của Công ty
Phê duyệt mục tiêu và các kế hoạch hành động

↓

CÁC BỘ PHẬN, PHÒNG BAN CHỨC NĂNG, XÍ NGHIỆP

Xây dựng và trình Ban Tổng Giám đốc các mục tiêu kế hoạch và hành động cụ thể.
Triển khai, hướng dẫn các công ty con thực hiện, giám sát các kế hoạch, hành động đã được Ban Tổng giám đốc phê duyệt

Định hướng phát triển bền vững

Khách hàng - đối tác

- Đặt uy tín lên hàng đầu, đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn sản phẩm - vệ sinh an toàn thực phẩm (ISO)
- Đối với các đối tác cung cấp nguyên liệu mía đầu vào - phần lớn là các hộ nông dân: cùng hợp tác phát triển, đặt lợi ích kinh tế lâu dài của bà con lên hàng đầu, hỗ trợ về giống mía, phân bón, các điều kiện di chuyển.

Cổ đông

- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông với việc thực hiện công bố, minh bạch thông tin, quản trị nội bộ và tài chính theo đúng luật pháp
- Xây dựng chính sách cổ tức hiệu quả, gắn liền với việc gia tăng giá trị tài sản bền vững và vì lợi ích cổ đông
- Xây dựng uy tín thương hiệu **Mía đường Sơn La**, không chỉ là doanh nghiệp hàng đầu đối với ngành mía đường trong nước mà còn hướng tới trở thành nhà sản xuất đường có vị thế trên thị trường quốc tế

Nhà nước

- Tuân thủ pháp luật về quản trị doanh nghiệp, chứng khoán, sản xuất
- Góp phần phát triển ngành mía đường, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.
- Đầu tư, sản xuất trên địa bàn vùng núi khó khăn, góp phần phát triển kinh tế vùng, tối ưu hóa những nguồn lực của đất nước
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế

Người lao động

- Đảm bảo môi trường làm việc cho cán bộ, công nhân, người lao động
- Chính sách lương thưởng hiệu quả
- Chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên, đặc biệt là các đối tương bị ảnh hưởng hoặc có người thân bị arh hưởng bởi dịch bệnh

Cộng đồng

- Đảm bảo lợi ích lâu dài cho người trồng mía
- Gắn liền với phát triển kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương
- Thực hiện các hoạt động khuyến học, ủng hộ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào chịu thiên tai, lũ lụt

Môi trường

- Phát triển vùng nguyên liệu bền vững: dùng phân bón cải tạo lại đất
- Bảo vệ môi trường, giảm phát thải carbon và chất thải trong quá trình sản xuất

Các hoạt động phát triển bền vững

Xu thế quản trị Công ty theo hướng phát triển bền vững là tất yếu đối với doanh nghiệp hiện đại. Công ty cổ phần Mía đường Sơn La với tư cách là doanh nghiệp lớn trong ngành mía đường - ngành sản xuất quan trọng, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia - không nằm ngoài xu thế đó. Vùng nguyên liệu chính của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La nằm tại 2 huyện Mai Sơn và Yên Châu của tỉnh Sơn La, với diện tích trên 9.000 ha, tương đương khoảng 3,4% vùng nguyên lía mía cả nước. Đây là vùng nguyên liệu được đánh giá là có thổ nhưỡng tương đối phù hợp với cây mía, cho trữ lượng đường trong mía cao và từ đó tạo ra ưu thế về giá nguyên liệu mía đầu vào so với mức giá trung bình trên thị trường. Tuy nhiên, Công ty cũng nhận thức rõ những khó khăn tại khu vực sản xuất này. Thứ nhất, địa hình vùng núi cao Tây Bắc tuy phù hợp với việc canh tác mía nhưng cũng rất khó để cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, chi phí cho việc tăng năng suất mía, chi phí nâng cấp hạ tầng cung ứng chuỗi sản xuất đường là rất đáng kể so với các khu vực trồng mía khác như địa bàn các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên. Thứ hai, Công ty hiện đang kí hợp đồng trồng và thu mua mía với hơn 10.000 hộ nông dân rên địa phương, chủ yếu là đồng bào các dân tộc ít người. Đây là khu vực kinh tế miền núi có tốc độ phát triển còn thấp so với cả nước, đời sống bà con nông dân còn khó khăn, kĩ thuật nuôi trồng còn nhiều hạn chế, nhiều hộ nông dân dễ lựa chọn chuyển đổi sang các loại cây ăn quả khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Hai khó khăn trên ảnh hưởng rất lớn đến mục tiêu phát triển bền vững của Công ty và Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đã và đang có những giải pháp triển khai. Cụ thể, Công ty luôn quan tâm đến việc phát triển vùng nguyên liệu mía bền vững, lượng phân bón sản phẩm công ty sản xuất được chủ yếu nhằm bồi đắp, tái tạo lại vùng đất canh tác. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn hỗ trợ tỉnh trong công tác tu sửa, bào trì các tuyến đường vận chuyển mía đến nhà máy. Đối với bà con nông dân, Công ty chủ động hỗ trợ về phương diện vốn phương tiện kỹ thuật canh tác, cung cấp các giống mía phù hợp với thổ nhưỡng, có năng suất, chữ đường cao, có khả năng chống chịu thời tiết bất lợi và kháng sâu bệnh. Đối với Công ty, việc tạo ra chuỗi sản xuất bền vững, hiệu quả là lợi ích chung cho cả Mía đường Sơn La, các hộ nông dân trồng mía trên địa bàn và cả bộ mặt kinh tế tỉnh.

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La xác định phải đẩy mạnh tốc độ phát triển của công ty, mục tiêu trở thành điểm sáng của ngành mía đường trong giai đoạn khó khăn, gia tăng lợi ích chung cho công ty, cho tỉnh Sơn La nói riêng và xã hội nói chung. Cùng với đó Công ty cũng luôn ý thức được việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, nhất là trong hoạt động kinh doanh và công tác bảo vệ môi trường. Thể hiện ở việc đầu tư cho hệ thống nước thải, trồng cây xanh và vệ sinh công nghiệp.

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La luôn luôn mong muốn trở thành công ty đi đầu về sản xuất mía đường tại Việt Nam, trở thành người bạn đáng tin cậy của người nông dân trông mía và là một doanh nghiệp tiêu biểu của tỉnh Sơn La.

Các hoạt động phát triển bền vững

- Quyết định số 14/QĐ-HĐQT/2021 ngày 07 tháng 04 năm 2021 phê duyệt Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường lên 5.200 TMN.
- Quyết định số 46/NQ-HĐQT/2022, ngày 26/11/2022 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt chính sách đầu tư - phát triển vùng nguyên liệu niên vụ

Phần VII:

Báo cáo tài chính năm 2022 - 2023

Báo cáo của Ban giám đốc 92

Bảng cân đối kế toán 95

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 97

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 98

Bản thuyết minh báo cáo tài chính 100

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2023

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La (dưới đây được gọi là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500155321 ngày 20/02/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Công ty đã nhiều lần điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần sửa đổi gần nhất là lần thứ tám được cấp ngày 28/05/2018.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch
- Ông Trần Ngọc Hiếu	Phó Chủ tịch
- Bà Trần Thị Nhi	Thành viên
- Ông Thái Văn Hùng	Thành viên
- Ông Nguyễn Trường Chinh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Trần Ngọc Hiếu	Tổng Giám đốc	*Tái bổ nhiệm ngày 13/7/2022*
- Ông Thái Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	*Tái bổ nhiệm ngày 20/9/2022*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Việt Anh - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Đãi	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 33. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sơn La, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Tổng Giám đốc

Trần Ngọc Hiếu

Theo Giấy ủy quyền số 72/GUQ/2021 ngày 01/11/2021 của Chủ tịch HĐQT

BDO

Tel: +84 (0)24 37833911/12/13
Fax: +84 (0)24 37833914
www.bdovietnam.vn

20th Floor, Icon 4 Tower
243A De La Thanh St
Dong Da District, Hanoi,
Vietnam

Số: BC/BDO/2023.515

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Kính gửi: **CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN BDO

Nguyễn Hương Giang - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 5118-2021-038-1

Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 2581-2023-038-1

BDO Audit Services Co. Ltd., a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN **B01-DN**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**781.233.332.217**	**779.346.292.945**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**134.227.167.920**	**6.691.915.531**
1. Tiền	111		73.227.167.920	6.691.915.531
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**27.300.000.000**	**-**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.1	27.300.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**294.608.923.637**	**304.156.045.415**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	151.903.650.085	114.942.723.654
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	22.373.917.010	46.420.817.498
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	9.400.000.000	9.400.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	122.485.563.526	145.185.482.990
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(11.554.206.984)	(11.792.978.727)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.8**	**325.097.240.660**	**468.474.698.397**
1. Hàng tồn kho	141		329.505.496.211	471.308.222.537
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.408.255.551)	(2.833.524.140)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**-**	**23.633.602**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	18.978.359
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.2	-	4.655.243
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**560.720.310.008**	**600.223.798.784**
I. Tài sản cố định	**220**		**543.982.519.606**	**558.845.062.501**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	542.780.494.234	557.628.792.937
Nguyên giá	*222*		*952.840.330.731*	*924.341.803.009*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(410.059.836.497)*	*(366.713.010.072)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.202.025.372	1.216.269.564
Nguyên giá	*228*		*2.018.991.660*	*2.018.991.660*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(816.966.288)*	*(802.722.096)*
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**5.137.790.402**	**29.778.736.283**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	5.137.790.402	29.778.736.283
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**11.600.000.000**	**11.600.000.000**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.2	9.600.000.000	9.600.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.1	2.000.000.000	2.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**-**	**-**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.341.953.642.225**	**1.379.570.091.729**

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 5

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tiếp theo)* **B01-DN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**161.305.408.559**	**619.492.409.198**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**156.805.408.559**	**569.392.409.198**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	48.607.185.683	36.425.525.975
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	9.342.923.400	52.061.800
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	34.039.487.364	7.086.444.174
4.	Phải trả người lao động	314		8.441.708.317	1.635.296.664
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.465.325.135	1.236.765.609
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	695.074.417	2.035.840.999
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.1	45.600.000.000	512.181.975.054
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	4.500.000.000	3.970.000.000
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.113.704.243	4.768.498.923
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**4.500.000.000**	**50.100.000.000**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18.2	4.500.000.000	50.100.000.000
2.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
D -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**1.180.648.233.666**	**760.077.682.531**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.19**	**1.180.648.233.666**	**760.077.682.531**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.919.450.000	97.919.450.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*97.919.450.000*	*97.919.450.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.638.028	3.998.638.028
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		45.607.779.802	45.607.779.802
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8.174.806.000	6.800.000.000
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.024.947.559.836	605.751.814.701
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*501.832.364.700*	*418.112.615.580*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*523.115.195.136*	*187.639.199.121*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.341.953.642.225**	**1.379.570.091.729**

Sơn La, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Yên	Nguyễn Thị Khương	Trần Ngọc Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH **B02-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.715.939.079.381	868.974.945.103
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**1.715.939.079.381**	**868.974.945.103**
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.158.499.089.889	643.715.946.239
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**557.439.989.492**	**225.258.998.864**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.244.811.636	14.464.287.683
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	21.345.626.392	30.780.077.331
	Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*21.345.626.392*	*29.942.569.652*
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.351.903.969	3.130.485.212
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	28.798.925.586	19.304.031.311
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**522.188.345.181**	**186.508.692.693**
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	1.172.592.058	1.186.167.695
12.	Chi phí khác	32	VI.8	39.254.779	55.661.267
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**1.133.337.279**	**1.130.506.428**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**523.321.682.460**	**187.639.199.121**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	206.487.324	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**523.115.195.136**	**187.639.199.121**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.11**	**53.423**	**18.907**

Sơn La, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Yên	Nguyễn Thị Khương	Trần Ngọc Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ **B03-DN**
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***523.321.682.460***	***187.639.199.121***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		54.917.193.869	53.209.223.528
-	Các khoản dự phòng	03		5.983.564.848	(20.599.411.667)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.822.925.586)	(8.269.548.685)
-	Chi phí lãi vay	06		21.345.626.392	29.942.569.652
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***594.745.141.983***	***241.922.031.949***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.925.478.820	10.214.998.666
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		141.802.726.326	(218.810.253.309)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		54.962.925.865	(36.527.587.077)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	1.301.038.596
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(21.345.626.392)	(29.942.569.652)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.780.000	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.219.516.300)	(5.041.571.136)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***768.877.910.302***	***(36.883.911.963)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.863.028.709)	(29.864.039.436)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.100.664.001	2.584.800.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(27.300.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.816.486.349	7.116.783.923
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(31.245.878.359)***	***(20.162.455.513)***

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tiếp theo)* **B03-DN**
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	601.741.619.608	812.087.687.687
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.113.923.594.662)	(674.430.512.710)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(97.914.804.500)	(78.407.978.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(610.096.779.554)***	***59.249.196.477***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**127.535.252.389**	**2.202.829.001**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**6.691.915.531**	**4.489.086.530**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**134.227.167.920**	**6.691.915.531**

Sơn La, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Yên	Nguyễn Thị Khương	Trần Ngọc Hiếu

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 26/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500155321 ngày 20/02/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ tám ngày 28/05/2018.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) kể từ ngày 16/10/2012 với mã chứng khoán là SLS.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất chế biến;
- Kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính:

- Sản xuất, chế biến và kinh doanh đường mía, mật rỉ và các sản phẩm sau đường;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh phân bón, phân đạm, thuốc trừ sâu, mía giống, xỉ tro.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, không có những sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

6. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 300 người (tại ngày 30/06/2022 là 302 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01/07 năm trước đến ngày 30/06 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính. Những chính sách kế toán này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, nếu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định khác thì các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được giảm trừ trực tiếp vào giá trị khoản đầu tư.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Nguyên tắc xác định công ty liên doanh, liên kết: Dựa theo tỷ lệ quyền biểu quyết.

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20 % đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng của công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- ***Phải thu khách hàng:*** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- ***Phải thu khác***: Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản phải thu về cho mượn tài sản…).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời…) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa…) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	06 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị quản lý	03 - 08 năm

Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian ước tính hữu dụng.

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 147/2016/TT-BTC.

6. Nguyên tắc kế toán thuế

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Công ty đang được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chế biến nông sản theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ tài chính.

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- ***Phải trả người bán:*** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- ***Phải trả khác***: Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ…)

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí đi vay được vốn hóa.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận trong kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả tại thời điểm cuối kỳ bao gồm các khoản: phải trả chi phí quản lý thu mua mía, trích trước chi phí tham quan nghỉ mát cho công nhân viên.

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- *Trích trước chi phí quản lý thu mua mía:* Căn cứ trọng lượng mía nguyên liệu sạch nhập về chế biến và đơn giá kinh phí hoạt động được phê duyệt.
- *Trích trước chi phí tham quan nghỉ mát cho nhân viên vụ 2022-2023:* Theo nghị quyết số 28/NQ-HĐQT/2023 ngày 29/06/2023 của Hội đồng quản trị.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn góp của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu: vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu như sau:

- Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán đường, mật rỉ, xăng dầu, phân bón... được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trả chậm tiền hàng.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trả chậm tiền hàng: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay, lãi khách hàng ứng trước tiền hàng, lãi trả chậm tiền hàng... Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong năm.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác.

Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số VIII.2.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: Chi phí đầu tư XDCB, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh (TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình); chi phí cải tạo, nâng cấp TSCĐ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	495.314.477	90.998.436
Tiền gửi ngân hàng	72.731.853.443	6.600.917.095
Cộng	**73.227.167.920**	**6.691.915.531**
Các khoản tương đương tiền	61.000.000.000	-
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	**134.227.167.920**	**6.691.915.531**

Các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Sơn La. Kỳ hạn từ 2 - 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
Ngắn hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn	27.300.000.000	-	27.300.000.000	-	-	-
Cộng	**27.300.000.000**	-	**27.300.000.000**	-	-	-

Tiền gửi có kỳ hạn gồm hai hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội, chi nhánh Sơn La. Ngày gửi: 05/06/2023 và 06/06/2023, kỳ hạn 4 tháng.

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
Dài hạn						
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (20.000 TP)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	**2.000.000.000**	-	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	-	**2.000.000.000**

2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000
Cộng	**9.600.000.000**	-	**9.600.000.000**	**9.600.000.000**	-	**9.600.000.000**

Chi tiết tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết ở từng Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Vốn góp của CSH	*Tỷ lệ nắm giữ*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Vốn góp của CSH*	*Tỷ lệ nắm giữ*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	31.875.600.000	30%	30%	31.875.600.000	30%	30%

Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

Hoạt động chính của Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La trong năm là trồng mía, ngô và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp liên quan.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	***54.779.291.728***	***39.417.470.412***
Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	14.364.920.548	10.350.000.000
Công ty TNHH MTV Phú An Sài Gòn	14.960.000.000	14.685.955.068
Công ty TNHH An Hà	14.320.000.000	12.094.356.164
Công ty TNHH Thương Mại Thiên Thiên Phúc	522.219.180	522.219.180
Các khách hàng còn lại	10.612.152.000	1.764.940.000
Phải thu khách hàng là bên liên quan	***97.124.358.357***	***75.525.253.242***
(Chi tiết phải thu khách hàng là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VIII.2)		
Cộng	**151.903.650.085**	**114.942.723.654**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	***13.706.165.696***	***16.500.715.053***
Công ty TNNH Công Nghệ Vũ Lê	3.180.027.962	2.639.364.590
Công ty TNHH Vĩnh Trị	6.963.752.001	6.963.752.001
Các nhà cung cấp còn lại	3.562.385.733	6.897.598.462
Trả trước cho người bán là bên liên quan	***8.667.751.314***	***29.920.102.445***
(Chi tiết trả trước cho người bán là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VIII.2)		
Cộng	**22.373.917.010**	**46.420.817.498**

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
Công ty CP Xi măng Bắc Kạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP nhựa Trường Thịnh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng cầu đường 19	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
Cộng	**9.400.000.000**	**9.400.000.000**	-	**9.400.000.000**	**9.400.000.000**	-

6. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Phải thu bên thứ ba	***122.175.563.526***	***139.504.983***	***145.181.344.990***	***308.188.371***
Phải thu đầu tư vùng nguyên liệu	119.321.604.610	139.504.983	142.392.603.626	308.188.371
Tạm ứng	2.648.702.940	-	2.592.397.011	-
Phải thu khác	205.255.977	-	196.344.353	-
Phải thu bên liên quan	***310.000.000***	-	***4.138.000***	-
(Chi tiết phải thu khác từ bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VIII.2)				-
Cộng	**122.485.563.526**	**139.504.983**	**145.185.482.990**	**308.188.371**

7. Nợ xấu

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi*
Công ty CP Xi măng Bắc Kạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Cầu đường 19	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
Công ty CP nhựa Trường Thịnh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Bình Anh	1.792.550.000	1.792.550.000	-	1.792.550.000	1.792.550.000	-
Các đối tượng khác	361.656.984	361.656.984	-	601.852.594	600.428.727	1.423.867
Cộng	**11.554.206.984**	**11.554.206.984**	-	**11.794.402.594**	**11.792.978.727**	**1.423.867**

Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp.

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các hiện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	11.792.978.727	11.798.898.371
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	3.043.518	10.667.356
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(94.210.081)	(16.587.000)
Xóa nợ bằng khoản dự phòng trong năm	(147.605.180)	-
Số dư cuối năm	**11.554.206.984**	**11.792.978.727**

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Nguyên liệu, vật liệu	34.477.555.759	(4.408.255.551)	25.782.888.846	(2.833.524.140)
Công cụ, dụng cụ	17.204.545	-	6.665.059	-
Thành phẩm	294.299.147.430	-	445.213.315.652	-
Hàng hóa	711.588.477	-	305.352.980	-
Cộng	**329.505.496.211**	**(4.408.255.551)**	**471.308.222.537**	**(2.833.524.140)**

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:

	VND
Nguyên liệu, vật liệu	34.477.555.759
Công cụ, dụng cụ	17.204.545
Thành phẩm	294.299.147.430
Hàng hoá	711.588.477
Cộng	**329.505.496.211**

Giá trị hàng tồn kho trên được dùng thế chấp, cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Sơn La và Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Sơn La *(Xem Thuyết minh V.18)*

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	2.833.524.140	5.222.829.900
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.574.731.411	112.322.236
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(2.501.627.996)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	**4.408.255.551**	**2.833.524.140**

9. Tài sản dở dang dài hạn

9.1 Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án nâng công suất năm 2021	-	23.640.729.490
Dự án khác	5.137.790.402	6.138.006.793
Cộng	**5.137.790.402**	**29.778.736.283**

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	1.080.949.765	938.041.895	2.018.991.660
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	**1.080.949.765**	**938.041.895**	**2.018.991.660**
HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số đầu năm	-	802.722.096	802.722.096
Khấu hao trong năm	-	14.244.192	14.244.192
Số cuối năm	**-**	**816.966.288**	**816.966.288**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	1.080.949.765	135.319.799	1.216.269.564
Số cuối năm	**1.080.949.765**	**121.075.607**	**1.202.025.372**

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 30/06/2023 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 795.600.000 VND (tại ngày 30/06/2022 là 795.600.000 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại ngày 30/06/2023 đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay là 0 VND (tại ngày 30/06/2022 là 0 VND)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	176.769.078.314	739.603.142.760	3.691.547.122	1.825.307.540	452.727.273	924.341.803.009
Mua sắm mới	1.865.323.644	7.717.176.296	-	1.410.469.765	-	10.992.969.705
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.355.771.284	25.894.026.089	-	-	-	31.249.797.373
Thanh lý, nhượng bán	(2.110.974.133)	(11.606.626.263)	-	-	-	(13.717.600.396)
Giảm khác	-	(26.638.960)	-	-	-	(26.638.960)
Số cuối năm	**181.879.199.109**	**761.581.079.922**	**5.691.547.122**	**3.235.777.305**	**452.727.273**	**952.840.330.731**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	79.738.496.745	281.800.658.871	3.530.273.588	1.190.853.595	452.727.273	366.713.010.072
Khấu hao trong năm	6.173.623.475	48.051.258.461	588.535.815	89.531.926	-	54.902.949.677
Hao mòn trong năm	67.252.380	-	-	-	-	67.252.380
Thanh lý, nhượng bán	(2.110.974.133)	(9.512.401.499)	-	-	-	(11.623.375.632)
Số cuối năm	**83.868.398.467**	**320.339.515.833**	**4.118.809.403**	**1.280.385.521**	**452.727.273**	**410.059.836.497**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	97.030.581.569	457.802.483.889	2.161.273.534	634.453.945	-	557.628.792.937
Số cuối năm	**98.010.800.642**	**441.241.564.089**	**1.572.737.719**	**1.955.391.784**	**-**	**542.780.494.234**

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2023 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 96.067.868.613 VND (tại ngày 30/06/2022 là 100.027.174.496 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2023 đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay là 363.509.333.983 VND (tại ngày 30/06/2022 là 399.801.568.072 VND)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả người bán là bên thứ ba	***48.299.474.223***	***48.299.474.223***	***36.425.525.975***	***36.425.525.975***
Công ty cổ phần Tư vấn, Thiết bị và Công nghệ Ánh Dương	1.135.500.000	1.135.500.000	1.135.500.000	1.135.500.000
Chi nhánh Công ty cổ phần Tổng Công ty Sông Gianh tại Bắc Ninh	346.275.000	346.275.000	1.393.481.250	1.393.481.250
Công ty cổ phần Công nghiệp Hiệp Thành	4.551.150.035	4.551.150.035	4.551.150.035	4.551.150.035
Công ty cổ phần nông dược Việt Nam	-	-	2.830.080.000	2.830.080.000
Cá nhân vận chuyển mía	39.785.266.886	39.785.266.886	24.120.964.122	24.120.964.122
Các nhà cung cấp còn lại	2.481.282.302	2.481.282.302	2.394.350.568	2.394.350.568
Phải trả người bán là bên liên quan	***307.711.460***	***307.711.460***	-	-
(Chi tiết phải trả cho người bán là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VIII.2)				
Cộng	**48.607.185.683**	**48.607.185.683**	**36.425.525.975**	**36.425.525.975**

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên thứ ba	***552.923.400***	***52.061.800***
Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Phú Khánh	467.543.600	-
Các khách hàng còn lại	85.379.800	52.061.800
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	***8.790.000.000***	-
(Chi tiết Người mua trả tiền trước là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VIII.2)		
Cộng	**9.342.923.400**	**52.061.800**

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

14.1 Thuế phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng bán hàng nội địa	6.974.288.172	71.694.790.793	44.871.091.503	33.797.987.462
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	799.264.862	799.264.862	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	214.873.811	214.873.811	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	206.487.324	-	206.487.324
Thuế thu nhập cá nhân	57.073.811	4.630.241.349	4.653.403.782	33.911.378
Thuế tài nguyên	-	45.341.150	45.341.150	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	55.082.191	346.650.602	401.732.793	-
Các loại thuế khác	-	378.428.644	378.428.644	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.793.850	8.692.650	1.101.200
Cộng	**7.086.444.174**	**78.325.872.385**	**51.372.829.195**	**34.039.487.364**

14.2 Thuế phải thu

	Số đầu năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số cuối năm
Các loại thuế khác	4.655.243	-	4.655.243	-
Cộng	**4.655.243**	**-**	**4.655.243**	**-**

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả quản lý thu mua mía	965.325.135	850.715.609
Chi phí phải trả khác	1.500.000.000	386.050.000
Cộng	**2.465.325.135**	**1.236.765.609**

16. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	10.059.855	525.390.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	97.918.210	97.918.210
Phải trả, phải nộp khác	587.096.352	1.412.531.981
Cộng	**695.074.417**	**2.035.840.999**

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng tiền lương	4.500.000.000	3.970.000.000
Cộng	**4.500.000.000**	**3.970.000.000**

18. Vay và nợ thuê tài chính

18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn	**459.881.975.054**	**459.881.975.054**	**601.741.619.608**	**1.061.623.594.662**	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	392.167.220.054	392.167.220.054	578.741.619.608	970.908.839.662	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn La	67.714.755.000	67.714.755.000	23.000.000.000	90.714.755.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	**52.300.000.000**	**52.300.000.000**	**45.600.000.000**	**52.300.000.000**	**45.600.000.000**	**45.600.000.000**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (i)	52.300.000.000	52.300.000.000	45.600.000.000	52.300.000.000	45.600.000.000	45.600.000.000
Cộng vay ngắn hạn	**512.181.975.054**	**512.181.975.054**	**647.341.619.608**	**1.113.923.594.662**	**45.600.000.000**	**45.600.000.000**

18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay dài hạn	**50.100.000.000**	**50.100.000.000**	-	**45.600.000.000**	**4.500.000.000**	**4.500.000.000**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sơn La (i)	50.100.000.000	50.100.000.000	-	45.600.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Cộng vay dài hạn	**50.100.000.000**	**50.100.000.000**	-	**45.600.000.000**	**4.500.000.000**	**4.500.000.000**

(i) Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Sơn La theo hợp đồng tín dụng số 03.28/2016-HĐTDDA/NHCT190-CTCPMIADUONGSL ngày 24/08/2016 với mục đích vay: "Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4000 TMN (Giai đoạn 2016-2018) - Giai đoạn 1 (2016-2017) đạt công suất 3000TMN". Hạn mức tín dụng 120.000.000.000 VND. Thời hạn 96 tháng kể từ ngày giải ngân ban đầu, lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản sau: Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất theo hợp đồng thế chấp số 04.29/2013/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013; Quyền sử dụng đất số 1597834, nhà xưởng, văn phòng làm việc và các tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 04.29A/2013/HĐTC-BĐS ngày 20/11/2013; Toàn bộ tài sản hình thành trong dự án Đầu tư nâng cấp thiết bị ổn định công suất ép 2500TMN và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy đường Sơn La và dự án Đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4000 TMN (giai đoạn 2016 - 2018) - Giai đoạn 1 (2016 - 2017) đạt công suất 3000 TMN; Thế chấp hàng hóa luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế do Ngân hàng Công Thương tài trợ vốn.

19. Vốn chủ sở hữu

19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**97.919.450.000**	**3.998.638.028**	**45.607.779.802**	**8.309.151.136**	**500.948.175.580**	**656.783.194.546**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	187.639.199.121	187.639.199.121
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(78.335.560.000)	(78.335.560.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(1.509.151.136)	-	(1.509.151.136)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	**97.919.450.000**	**3.998.638.028**	**45.607.779.802**	**6.800.000.000**	**605.751.814.701**	**760.077.682.531**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	523.115.195.136	523.115.195.136
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(97.919.450.000)	(97.919.450.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	3.500.000.000	(6.000.000.000)	(2.500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(2.125.194.000)	-	(2.125.194.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1)	(1)
Số dư cuối năm nay	**97.919.450.000**	**3.998.638.028**	**45.607.779.802**	**8.174.806.000**	**1.024.947.559.836**	**1.180.648.233.666**

Trong năm, Công ty thực hiện phân phối các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 21 tháng 09 năm 2022. Theo đó, Công ty chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 100% vốn điều lệ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng trong năm phục vụ đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu.

19.2 *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Trần Thị Thái	26.860.600.000	26.860.600.000
Công ty TNHH Thái Liên	14.688.000.000	14.688.000.000
Ông Đặng Việt Anh	9.638.780.000	9.638.780.000
Cán bộ Công nhân viên và Cổ đông khác	46.732.070.000	46.732.070.000
Cộng	**97.919.450.000**	**97.919.450.000**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	97.919.450.000	97.919.450.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	**97.919.450.000**	**97.919.450.000**
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	97.919.450.000	78.335.560.000

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.791.945	9.791.945
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	9.791.945	9.791.945
- *Cổ phiếu phổ thông*	*9.791.945*	*9.791.945*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.791.945	9.791.945

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

20. Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong 10 năm như sau:

Nội dung	Số nợ (VND)	Năm xóa nợ	Nguyên nhân xóa nợ
Các khoản nợ phải thu đầu tư vùng nguyên liệu tồn từ năm 2007 đến năm 2013	359.716.531	2018	Nợ không có khả năng thu hồi.
Các khoản nợ phải thu đầu tư vùng nguyên liệu tồn từ năm 2014 đến năm 2020	147.605.180	2023	Nợ không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu sản phẩm đường, mật rỉ, bã bùn	1.592.453.988.114	744.899.387.907
Doanh thu sản phẩm vi sinh, phân bùn ủ men	9.776.650.000	8.759.190.000
Doanh thu xăng dầu	28.851.359.732	21.627.188.970
Doanh thu phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống	84.652.245.678	93.656.450.953
Doanh thu khác	204.835.857	32.727.273
Cộng	**1.715.939.079.381**	**868.974.945.103**

Trong đó	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán cho bên thứ ba	553.172.769.857	226.640.195.004
Doanh thu bán cho bên liên quan	1.162.766.309.524	642.334.750.099
Cộng	**1.715.939.079.381**	**868.974.945.103**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm đường, mật rỉ, bã bùn	1.039.803.879.004	524.645.171.940
Giá vốn sản phẩm vi sinh, phân bùn ủ men	7.668.725.230	6.891.386.392
Giá vốn xăng dầu	28.720.465.324	20.731.330.309
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống	82.131.707.674	91.386.754.191
Giá vốn khác	174.312.657	61.303.407
Cộng	**1.158.499.089.889**	**643.715.946.239**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56.623.143	26.760.067
Lãi đầu tư trái phiếu	130.500.000	140.000.000
Lợi nhuận cổ tức được chia	332.264.544	177.253.139
Lãi cho vay đầu tư vùng nguyên liệu	9.297.098.662	6.772.770.717
Lãi bán hàng trả chậm	9.931.257.287	7.347.503.760
Doanh thu hoạt động tài chính khác	497.068.000	-
Cộng	**20.244.811.636**	**14.464.287.683**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	21.345.626.392	29.942.569.652
Lãi trả chậm tiền hàng	-	78.869.322
Lãi khách hàng ứng trước tiền hàng	-	758.638.357
Cộng	**21.345.626.392**	**30.780.077.331**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	367.460.036	285.754.620
Chi phí vật liệu, bao bì	261.809.770	198.850.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	113.517.360	103.335.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.343.346.170	2.298.505.136
Chi phí bằng tiền khác	265.770.633	244.039.816
Cộng	**5.351.903.969**	**3.130.485.212**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	14.662.726.780	8.255.127.882
Chi phí vật liệu quản lý	646.904.866	190.616.052
Chi phí đồ dùng văn phòng	233.234.488	26.228.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	605.964.880	719.186.248
Thuế, phí và lệ phí	359.910.602	1.077.799.067
Chi phí dự phòng	4.408.833.437	3.964.080.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.110.273.266	1.992.375.508
Chi phí bằng tiền khác	4.771.077.267	3.078.618.016
Cộng	**28.798.925.586**	**19.304.031.311**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, vật tư	1.006.439.236	1.152.764.761
Các khoản khác	166.152.822	33.402.934
Cộng	**1.172.592.058**	**1.186.167.695**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	35.750.000	54.702.042
Các khoản khác	3.504.779	959.225
Cộng	**39.254.779**	**55.661.267**

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	767.035.788.343	629.206.225.012
Chi phí nhân công	49.170.531.434	33.452.273.743
Chi phí công cụ, dụng cụ	107.946.094	19.575.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	54.917.193.869	53.209.223.528
Chi phí dự phòng	5.983.564.848	4.076.402.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.496.851.333	6.655.628.044
Chi phí khác bằng tiền	10.833.828.016	47.205.280.797
Cộng	**932.545.703.937**	**773.824.608.716**

10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	206.487.324	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**206.487.324**	**-**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	**523.321.682.460**	**187.639.199.121**
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	**2.759.197.538**	**(177.253.139)**
Các khoản điều chỉnh tăng	3.091.462.082	-
Chi phí không được trừ	3.091.462.082	-
Các khoản điều chỉnh giảm	332.264.544	177.253.139
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	332.264.544	177.253.139
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	**526.080.879.998**	**187.461.945.982**
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập từ hoạt động được miễn thuế TNDN	525.048.443.379	187.461.945.982
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác	1.032.436.619	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	**206.487.324**	**-**

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	523.115.195.136	187.639.199.121
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	523.115.195.136	187.639.199.121
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ	-	2.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	9.791.945	9.791.945
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**53.423**	**18.907**

Công ty chưa xác định số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm nay; Số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước đã được điều chỉnh theo số liệu thực trích.

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	9.791.945	9.791.945
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.791.945	9.791.945

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

	Năm nay	Năm trước
Vay ngân hàng trả thẳng cho nhà cung cấp, vay trả lương cho CBCNV	325.291.923.689	454.607.687.687
Cộng	**325.291.923.689**	**454.607.687.687**

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Thành viên chủ chốt		
Ông Đặng Việt Anh	718.000.000	384.300.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	1.632.108.000	1.158.999.000
Bà Trần Thị Nhi	297.400.000	220.900.000
Ông Thái Văn Hùng	1.035.000.000	776.200.000
Ông Nguyễn Trường Chinh	297.400.000	220.900.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	282.400.000	205.900.000
Ông Nguyễn Văn Tài	457.740.000	409.811.869
Ông Nguyễn Văn Đãi	324.073.333	281.101.311
Bà Nguyễn Thị Khương	348.983.269	291.463.269
Nhận tạm ứng từ Công ty		
Ông Trần Ngọc Hiếu	110.000.000	734.138.000
Ông Đặng Việt Anh	200.000.000	-
Nhận cổ tức từ Công ty		
Ông Đặng Việt Anh	8.899.200.000	591.664.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	1.317.310.000	1.052.848.000
Bà Nguyễn Thị Khương	9.240.000	7.392.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
***Nợ phải thu** (thuyết minh chi tiết cho mục V.6)*		
Ông Trần Ngọc Hiếu		
Nhận tạm ứng từ Công ty	110.000.000	4.138.000
Ông Đặng Việt Anh		
Nhận tạm ứng từ Công ty	200.000.000	-

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Đường Kon Tum	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Mía đường Sóc Trăng	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	Bà Tạ Ngọc Hương vợ ông Trần Ngọc Hiếu là Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Vương Quốc Việt
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	Bà Đặng Thị Thu Hằng - Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên là chị gái ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
Công ty TNHH Thái Liên	Cổ đông góp vốn
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty cổ phần Mía đường Trà Vinh	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ	Bà Đặng Thu Hằng - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ là chị gái ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Bán hàng	71.191.071.429	87.005.714.285
Lãi trả chậm tiền hàng	781.321.433	271.838.684
Mua vật tư	30.238.240.075	36.059.433.860
Công ty cổ phần Đường Kon Tum		
Bán hàng	98.904.761.905	4.857.142.857
Lãi trả chậm tiền hàng	84.206.905	136.701.370
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa		
Bán hàng	122.559.047.619	144.902.857.143
Lãi trả chậm tiền hàng	661.101.607	232.334.794
Công ty cổ phần Mía đường Sóc Trăng		
Bán hàng	33.333.333.333	-
Lãi trả chậm tiền hàng	382.824.109	-
Công ty TNHH Thái Liên		
Bán hàng	42.857.142.855	74.285.714.287
Lãi trả chậm tiền hàng	356.161.646	587.846.575
Lãi khách hàng trả trước tiền hàng	-	641.700.001
Chi trả cổ tức	14.688.000.000	11.750.400.000
Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt		
Bán hàng	61.333.333.333	72.676.178.668
Lãi trả chậm tiền hàng	826.307.837	406.637.479

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên		
Bán hàng	35.132.380.952	47.416.666.667
Lãi trả chậm tiền hàng	935.793.562	676.621.055
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La		
Mua mía nguyên liệu	14.997.306.910	20.559.989.130
Phí quản lý thu mua mía	307.711.460	475.020.000
Cổ tức được chia	332.264.544	177.253.139
Lãi nợ đầu tư mía	18.201.426	-
Công ty cổ phần Mía Đường Trà Vinh		
Bán hàng	318.619.047.620	127.380.952.382
Lãi trả chậm tiền hàng	890.503.893	218.630.137
Lãi khách hàng ứng trước tiền hàng	-	116.938.356
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc		
Bán hàng	331.312.380.955	60.952.380.953
Lãi trả chậm tiền hàng	778.748.741	-
Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ		
Bán hàng	47.523.809.523	22.857.142.857
Lãi trả chậm tiền hàng	543.506.712	1.303.708.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
***Phải thu khách hàng** (thuyết minh chi tiết cho mục V.3)*		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.065.000.000	11.966.728.767
Công ty cổ phần Đường Kon Tum	9.950.000.000	-
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	7.809.358.357	12.395.658.902
Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	14.850.000.000	12.230.375.561
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	14.300.000.000	9.451.000.000
Công ty TNHH Thái Liên	-	5.130.320.548
Công ty cổ phần Mía đường Trà Vinh	14.850.000.000	12.218.630.137
Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ	14.900.000.000	12.132.539.327
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc	13.400.000.000	-
Cộng	**97.124.358.357**	**75.525.253.242**
***Phải trả người bán** (thuyết minh chi tiết cho mục V.12)*		
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	307.711.460	-
Cộng	**307.711.460**	**-**
***Người mua trả tiền trước** (thuyết minh chi tiết cho mục V.13)*		
Công ty TNHH Thái Liên	8.790.000.000	-
Cộng	**8.790.000.000**	**-**
***Trả trước cho người bán** (thuyết minh chi tiết cho mục V.4)*		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	8.667.751.314	29.920.102.445
Cộng	**8.667.751.314**	**29.920.102.445**

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Sơn La, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Yên	Nguyễn Thị Khương	Trần Ngọc Hiếu

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Việt Anh